




Màn hình Dell S3221QS

Sổ hướng dẫn sử dụng

Mẫu màn hình: S3221QS
Mẫu quy chuẩn: S3221QSc



-  **LƯU Ý: LƯU Ý** cho biết thông tin quan trọng giúp bạn sử dụng máy tính hiệu quả hơn.
-  **CHÚ Ý: CHÚ Ý** cho biết thiệt hại tiềm ẩn đối với phần cứng hoặc mất dữ liệu nếu bạn không thực hiện theo các hướng dẫn.
-  **CẢNH BÁO: CẢNH BÁO** cho biết khả năng bị hư hỏng tài sản, thương tật cá nhân hoặc tử vong.

Bản quyền © 2020 Dell Inc. hoặc của các công ty con liên quan. Bảo lưu mọi bản quyền. Dell, EMC và các thương hiệu khác là các thương hiệu của Dell Inc. hoặc của các công ty con liên quan. Các thương hiệu khác có thể là thương hiệu của các đơn vị sở hữu liên quan.

2020 – 11

Bản sửa đổi A01



Mục lục

Hướng dẫn an toàn	6
Giới thiệu màn hình	7
Phụ kiện đóng gói	7
Tính năng sản phẩm	9
Nhận biết các bộ phận và nút điều khiển	11
Mặt trước	11
Mặt sau	12
Mặt bên cạnh	13
Mặt dưới.	13
Thông số kỹ thuật màn hình	15
Thông số kỹ thuật của loa	16
Thông số kỹ thuật độ phân giải	17
Chế độ video hỗ trợ	17
Chế độ hiển thị cài sẵn.	18
Đặc tính vật lý.	23
Đặc tính môi trường	24
Tính năng Cắm Là Chạy	25
Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình LCD . .	25
Thiết kế công thái học	26
Cầm nắm và di chuyển màn hình	28
Hướng dẫn bảo dưỡng	29
Vệ sinh màn hình	29



Lắp đặt màn hình	30
Cắm giá đỡ.	30
Kết nối màn hình	32
Kết nối cáp HDMI và cáp USB 3.0	32
Bộ trí các loại cáp	33
Giữ chặt màn hình bằng khóa Kensington (tùy chọn)	34
Tháo giá đỡ	35
Giá treo tường (tùy chọn).	36
Sử dụng màn hình	38
Bật nguồn màn hình.	38
Sử dụng các nút điều khiển	38
Các nút điều khiển	39
Các nút điều khiển menu OSD.	40
Sử dụng menu Hiển thị Trên Màn hình (OSD).	41
Truy cập menu OSD	41
Khoá nút menu và nguồn	54
Thông tin cảnh báo OSD.	57
Cài đặt độ phân giải tối đa	60
Sử dụng tính năng mở rộng nghiêng và dọc	62
Mở rộng nghiêng	62
Kéo dài chiều dọc	62
Khắc phục sự cố	64
Tự kiểm tra.	64



Chẩn đoán tích hợp 66

Các sự cố thường gặp 68

Sự cố liên quan đến sản phẩm 71

Phụ lục. 72

 Thông báo FCC (chỉ áp dụng ở Mỹ) và thông tin
 quy định khác 72

 Liên hệ với Dell 72

 Cơ sở dữ liệu sản phẩm của EU về nhãn năng
 lượng và bảng thông tin sản phẩm 72


 Nguyên cơ về sự ổn định 73


Kích thước phác thảo màn hình S3221QS. 74



Hướng dẫn an toàn

Sử dụng các hướng dẫn an toàn sau đây để bảo vệ màn hình khỏi thiệt hại tiềm ẩn và để đảm bảo an toàn cho cá nhân bạn. Trừ khi có ghi chú khác, mỗi quy trình có trong tài liệu này cho rằng bạn đã đọc thông tin an toàn gửi kèm theo màn hình.

 **Trước khi sử dụng màn hình, hãy đọc thông tin an toàn được gửi kèm theo màn hình cũng như được in trên sản phẩm. Lưu giữ tài liệu ở nơi an toàn để tham khảo sau này.**

 **CHÚ Ý: Sử dụng các nút điều khiển, điều chỉnh hoặc các quy trình khác ngoài các quy trình được nêu rõ trong tài liệu này có thể khiến người dùng dễ bị điện giật, gặp các rủi ro về điện và/hoặc cơ học.**

- Đặt màn hình trên bề mặt chắc chắn và cầm giữ cẩn thận. Màn hình dễ vỡ và có thể bị hỏng nếu bị rơi hoặc va đập mạnh.
- Luôn đảm bảo rằng màn hình được phân loại về điện để hoạt động với nguồn AC có sẵn tại khu vực của bạn.
- Đặt màn hình trong môi trường nhiệt độ phòng. Điều kiện lạnh hoặc nóng quá mức có thể có ảnh hưởng xấu đến tinh thể lỏng của màn hình.
- Cắm cáp nguồn từ màn hình vào ổ cắm trên tường gần kề và dễ tiếp cận. Xem [Kết nối màn hình](#).
- Không đặt và sử dụng màn hình trên bề mặt ẩm ướt hoặc gần nước.
- Không đặt màn hình ở nơi bị rung động hoặc tạc động mạnh. Ví dụ: không đặt màn hình bên trong cốp xe ô tô.
- Rút phích cắm màn hình khi không sử dụng trong một thời gian dài.
- Để tránh bị điện giật, không thử tháo bất kỳ nắp đậy nào hoặc chạm vào bên trong màn hình.
- Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng. Giữ lại giấy tờ này để tham khảo trong tương lai. Làm theo các cảnh báo và hướng dẫn được đánh dấu trên sản phẩm.
- Các áp suất âm thanh quá mức từ tai nghe có thể làm mất thính giác. Điều chỉnh bộ hiệu chỉnh để tăng tối đa lượng điện áp ra của tai nghe, dẫn đến tăng mức áp suất âm thanh.
- Thiết bị có thể được gắn trên tường hoặc giá treo trần nhà ở vị trí nằm ngang.







Giới thiệu màn hình

Phụ kiện đóng gói

Màn hình của bạn có kèm theo các phụ kiện được nêu trong bảng dưới đây. Nếu thiếu bất kỳ phụ kiện nào, hãy liên hệ với Dell. Để biết thêm chi tiết, xem [Liên hệ với Dell](#).

✎ LƯU Ý: Một số phụ kiện có thể tùy chọn và không được gửi kèm màn hình của bạn. Một số tính năng hoặc phương tiện có thể không có sẵn ở một số quốc gia.

	Display (Hiển thị)
	Giá đỡ
	Chân đế
	Cáp nguồn (khác nhau tùy theo mỗi quốc gia)



	<p>Cáp HDMI 2.0</p>
	<p>Cáp USB 3.0 truyền lên (kích hoạt các cổng USB trên màn hình)</p>
	<ul style="list-style-type: none"> • Hướng dẫn cài đặt nhanh • Thông tin an toàn và quy định



Tính năng sản phẩm

Màn hình Dell S3221QS sử dụng công nghệ ma trận chủ động, tranzito màng mỏng (TFT), tinh thể lỏng (LCD), tính năng chống tĩnh điện và đèn nền LED. Các tính năng màn hình bao gồm:

- Hiển thị vùng xem 80,01 cm (31,5 inch) (đo theo đường chéo).
- Độ phân giải 3840 x 2160, cùng khả năng hỗ trợ toàn màn hình cho độ phân giải thấp hơn.
- Hỗ trợ chế độ AMD FreeSync™ hoặc No Sync - thời gian phản hồi nhanh 4 ms.
- Hỗ trợ 40 Hz - 60 Hz (cổng HDMI) và 40 Hz - 60 Hz (cổng DisplayPort) ở Chế độ Freesync.
- Hỗ trợ Dải động cao.
- Hỗ trợ chế độ Ảnh theo ảnh (PBP) và Ảnh trong ảnh (PIP).
- 2 loa tích hợp (5W).
- Hỗ trợ đầu ra âm thanh để kết nối loa ngoài hoặc loa trầm phụ.
- Gam màu 99% sRGB.
- Kết nối kỹ thuật số với cổng cắm DisplayPort và HDMI.
- Trang bị 1 cổng USB truyền lên và 2 cổng USB truyền xuống.
- Tích hợp tính năng Plug and play (Cắm Là Chạy) nếu được hỗ trợ bởi máy tính.
- Điều chỉnh menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD) để dễ dàng cài đặt và tối ưu hóa màn hình.
- Giá đỡ rời và lỗ lắp giá treo 100mm tương thích chuẩn Hiệp Hội Tiêu Chuẩn Điện Tử Video (VESA™) cho các giải pháp lắp đặt linh động.
- Khả năng điều chỉnh độ nghiêng và chiều cao.
- Khe khóa an toàn.
- ≤0,3 W ở Chế độ chờ.
- Hỗ trợ Trình quản lý màn hình Dell.
- Thoải mái mắt tối đa với màn hình không nhấp.



⚠ CẢNH BÁO: Nếu tích hợp phích cắm 3 chấu trên dây nguồn, hãy cắm dây nguồn vào ổ cắm 3 chấu nối đất (đã tiếp đất). Chẳng hạn, không được vô hiệu hóa chấu nối đất của dây nguồn bằng cách cắm bộ chuyển đổi 2 chấu. Chấu nối đất là tính năng an toàn rất quan trọng.

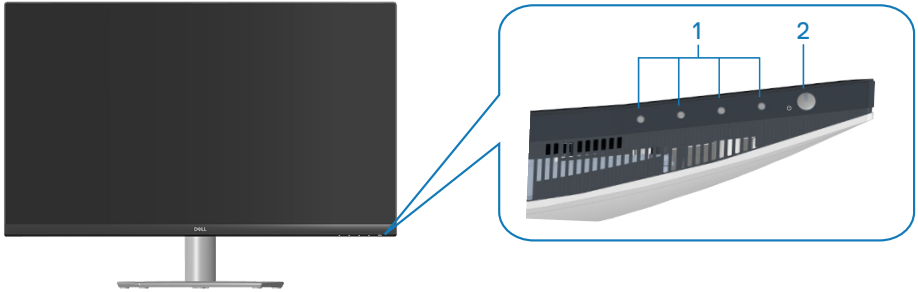
Hãy đảm bảo rằng hệ thống phân phối nguồn điện được lắp đặt trong tòa nhà phải được trang bị bộ ngắt mạch định mức 120/240V, 20A (mức tối đa).

⚠ CẢNH BÁO: Tác hại lâu dài tiềm ẩn của việc phát xạ ánh sáng xanh từ màn hình có thể gây tổn thương mắt, bao gồm mỏi mắt, căng mắt kỹ thuật số,... Tính năng ComfortView được thiết kế để giảm lượng ánh sáng xanh phát ra từ màn hình nhằm giúp mắt thoải mái tối ưu.



Nhận biết các bộ phận và nút điều khiển

Mặt trước

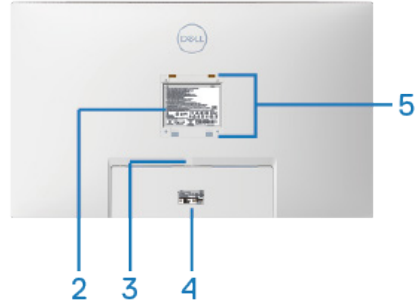
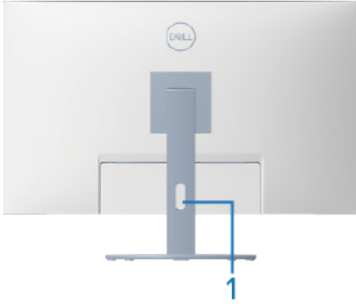


Các nút điều khiển

Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Các nút chức năng	Để điều chỉnh các mục trong menu OSD. (Để biết thêm chi tiết, xem Sử dụng các nút điều khiển)
2	Nút (Bật/Tắt) nguồn (với đèn trạng thái nguồn)	Để bật hoặc tắt màn hình. Đèn trắng một màu cho biết màn hình đang bật và hoạt động bình thường. Đèn trắng nhấp nháy cho biết màn hình đang ở Chế độ chờ.



Mặt sau

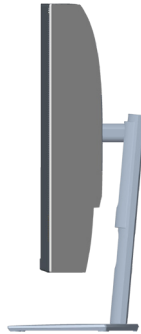


Mặt sau với giá đỡ màn hình

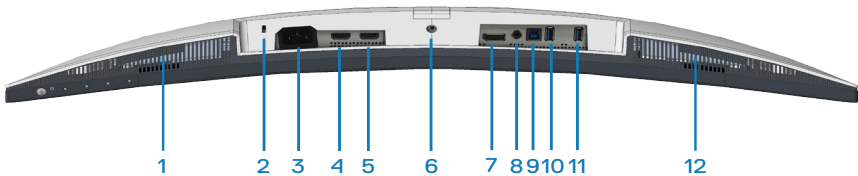
Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Khe cắm quản lý cáp	Dùng để sắp xếp cáp bằng cách đặt chúng xuyên qua rãnh này.
2	Nhãn thông tin quy định	Liệt kê các thông số chấp nhận theo quy định.
3	Nút nhả giá đỡ	Nhả giá đỡ khỏi màn hình.
4	Nhãn quy định (bao gồm số seri kèm Mã vạch và Nhãn thẻ bảo trì)	Liệt kê các thông số chấp nhận theo quy định. Tham khảo nhãn này nếu bạn cần liên hệ với Dell để được hỗ trợ kỹ thuật. Thẻ dịch vụ là mã nhận dạng chữ số duy nhất cho phép kỹ thuật viên dịch vụ của Dell xác định các linh kiện phần cứng trong máy tính của bạn và truy cập thông tin bảo hành.
5	Lỗ gắn giá treo tường VESA (4)	Bốn lỗ gắn giá treo tường VESA (100 mm x 100 mm) để tiếp cận phía sau nắp đậy VESA dùng để gắn màn hình lên tường qua bộ giá treo tường tương thích VESA. Xem Giá treo tường (tùy chọn) .



Mặt bên cạnh





Mặt dưới



Mặt dưới không có giá đỡ màn hình

Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Loa phải tích hợp	Cung cấp đầu ra âm thanh.
2	Khe khóa an toàn	Bảo vệ màn hình của bạn bằng khóa an toàn (mua riêng) để tránh di chuyển trái phép màn hình. Xem Giữ chặt màn hình bằng khóa Kensington (tùy chọn) .
3	Giắc cắm điện	Kết nối cáp nguồn (gửi kèm màn hình).
4	Cổng HDMI1 2.0	Kết nối máy tính bằng cáp HDMI.
5	Cổng HDMI2 2.0	Kết nối máy tính bằng cáp HDMI.



6	Tính năng khóa giá đỡ	Đặt khóa giá đỡ vào màn hình bằng vít M3 x 6 mm (không bán kèm màn hình).
7	Cổng DisplayPort 1.2	Kết nối máy tính bằng cáp DisplayPort (được mua riêng).
8	Cổng ra dòng âm thanh	Kết nối với loa ngoài hoặc loa trầm phụ (mua riêng).*
9	Cổng USB 3.0 truyền lên	Cắm cáp USB từ cổng này vào máy tính để kích hoạt các cổng USB trên màn hình.
10	Cổng USB 3.0 downstream	Kết nối các thiết bị ngoại vi USB của bạn như thiết bị lưu trữ và máy in.  LƯU Ý: Để sử dụng cổng này, bạn phải kết nối màn hình với máy tính bằng cáp USB truyền lên (được gửi kèm theo màn hình).
11	Cổng USB 3.0 truyền xuống với khả năng sạc BC 1.2	Cổng USB 3.0 truyền xuống với khả năng sạc. Kết nối để sạc thiết bị USB.  LƯU Ý: Để sử dụng cổng này, bạn phải kết nối màn hình với máy tính bằng cáp USB truyền lên (được gửi kèm theo màn hình).
12	Loa trái tích hợp	Cung cấp đầu ra âm thanh.

*Cổng ra âm thanh không hỗ trợ các tai nghe.



Thông số kỹ thuật màn hình

Mẫu	S3221QS
Loại màn hình	Màn hình LCD TFT ma trận hoạt động
Loại tấm nền	Căn chỉnh dọc
Hình có thể xem	
Chéo	800,1 mm (31,5 inch)
Vùng hoạt động ngang	697,3 mm (27,5 inch)
Vùng hoạt động dọc	392,3 mm (15,4 inch)
Vùng	273550,8 mm ² (423,5 in. ²)
Độ phân giải góc và tốc độ làm mới	3840 x 2160 ở mức 60 Hz
Khoảng cách giữa các điểm ảnh	0,18159 mm x 0,18159 mm
Pixel/inch (PPI)	139
Góc xem	
Ngang	178° (chuẩn)
Dọc	178° (chuẩn)
Công suất độ sáng	300 cd/m ² (chuẩn)
Tỷ lệ tương phản	3000:1 (chuẩn)
Lớp phủ bề mặt	Chống lóa với lớp phủ cứng 3H, Độ mờ 25%
Đèn nền	Hệ thống đèn LED viền
Thời gian phản hồi	8 ms từ xám sang xám ở chế độ Normal (Thường) 5 ms từ xám sang xám ở chế độ Fast (Nhanh) 4 ms từ xám sang xám ở chế độ Extreme (Cực độ)* * Chế độ 4 ms từ xám sang xám có sẵn ở chế độ Extreme (Cực độ) để giảm độ nhòe chuyển động có thể nhìn thấy và tăng phản ứng hình ảnh. Tuy nhiên, chế độ này có thể đưa một số vật lạ trực quan nhẹ và có thể nhìn thấy vào hình ảnh. Vì mọi cài đặt hệ thống và mọi nhu cầu của người dùng đều khác nhau, nên cần tìm các chế độ cài đặt phù hợp với họ.
Độ cong	1800R (chuẩn)
Độ sâu màu	1,07 tỷ màu



Gam màu	sRGB CIE 1931 (99%) CIE1976 (98,8%) DCI P3 CIE 1931 (90%) CIE1976 (92,4%)
Kết nối	2 cổng HDMI 2.0 tích hợp HDCP 2.2 (3840 x 2160, tối đa 60 Hz) 1 cổng DisplayPort 1.2 (3840 x 2160, 60 Hz) 1 cổng USB 3.0 truyền lên 1 cổng USB 3.0 truyền xuống 1 cổng USB 3.0 truyền xuống với khả năng sạc BC 1.2 1 x Cổng ra âm thanh
Độ rộng viền (từ mép màn hình đến vùng hoạt động)	
Trên	8,1 mm
Trái/Phải	8,2 mm
Dưới	24,4 mm
Khả năng điều chỉnh	
Giá đỡ màn hình có thể điều chỉnh được độ cao	70 mm
Nghiêng	Từ -5° đến 21°
Quay	N/A
Điều chỉnh độ nghiêng	Từ -4° đến 4°
Tương thích phần mềm quản lý màn hình Dell	Easy Arrange và các tính năng chính khác
Độ an toàn	Khe cắm khóa an toàn (khóa cáp đặt mua riêng)

Thông số kỹ thuật của loa

Công suất định mức của loa	2 x 5 W
Đáp ứng tần số	200 Hz - 16 kHz
Trở kháng	8 ohm



Thông số kỹ thuật độ phân giải

Mẫu	S3221QS
Dải quét ngang	29 kHz tới 140 kHz
Dải quét dọc	40 Hz tới 60 Hz (HDMI) 40 Hz tới 60 Hz (DisplayPort)
Độ phân giải cài sẵn tối đa	3840 x 2160 với tần số 60 Hz với HDCP 2.2 3840 x 2160 ở mức 60 Hz (DisplayPort) 3840 x 2160 ở tần số 60 Hz (HDMI)

Chế độ video hỗ trợ

Mẫu	S3221QS
Tính năng hiển thị video (HDMI/DisplayPort)	480p, 480i, 576p, 720p, 1080p, 576i, 1080i, QHD, UHD

 **LƯU Ý:** Màn hình này hỗ trợ AMD FreeSync.



Chế độ hiển thị cài sẵn

Chế độ hiển thị cài sẵn HDMI

Chế độ hiển thị	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Đồng hồ điểm ảnh (MHz)	Cực đồng bộ (Ngang/Dọc)
VESA, 640 x 480	31,47	60,0	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,5	75,0	31,5	-/-
VESA, 720 x 400	31,47	70,0	28,32	-/+
VESA, 800 x 600	37,88	60,0	40	+/+
VESA, 800 x 600	46,86	75,0	49,5	+/+
VESA, 1024 x 768	48,36	60,0	65	-/-
VESA, 1024 x 768	60,02	75,0	78,75	+/+
VESA, 1152 x 864	67,5	75,0	108	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,98	60,0	108	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,98	75,0	135	+/+
VESA, 1600 x 900	60	60	108	+/+
VESA, 1600 x 1200	75	60	162	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,3	60	146,25	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,5	60	148,5	+/+
VESA, 1920 x 1200	74,04	60	154	+/-
VESA, 2560 x 1440	88,79	60	241,5	+/-
VESA, 3840 x 2160	110,5	50	442	+/-
VESA, 3840 x 2160	135	60	594	+/-



Chế độ hiển thị cài sẵn DisplayPort

Chế độ hiển thị	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Đồng hồ điểm ảnh (MHz)	Cực đồng bộ (Ngang/Dọc)
VESA, 640 x 480	31,47	60	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,5	75	31,5	-/-
VESA, 720 x 400	31,47	70	28,32	-/+
VESA, 800 x 600	37,88	60	40	+/+
VESA, 800 x 600	46,86	75	49,5	+/+
VESA, 1024 x 768	48,36	60	65	-/-
VESA, 1024 x 768	60,02	75	78,75	+/+
VESA, 1152 x 864	67,5	60	108	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,98	75	108	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,98	60	135	+/+
VESA, 1600 x 900	60	60	108	+/+
VESA, 1600 x 1200	75	60	162	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,3	60	146,25	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,5	60	148,5	+/+
VESA, 1920 x 1200	74,04	60	154	+/-
VESA, 2560 x 1440	88,79	60	241,5	+/-
VESA, 3840 x 2160	110,55	50	433,356	+/-
VESA, 3840 x 2160	133,313	60	533,25	+/-



Đã bật PIP (nguồn tín hiệu phụ)

Chế độ hiển thị	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Đồng hồ điểm ảnh (MHz)	Cực đồng bộ (Ngang/Dọc)
VESA, 640 x 480	31,47	60	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,5	75	31,5	-/-
VESA, 720 x 400	31,47	70	28,32	-/+
VESA, 800 x 600	37,88	60	40	+/+
VESA, 800 x 600	46,86	75	49,5	+/+
VESA, 1024 x 768	48,36	60	65	-/-
VESA, 1024 x 768	60,02	75	78,75	+/+
VESA, 1152 x 864	67,5	60	108	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,98	75	108	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,98	60	135	+/+
VESA, 1600 x 900	60	60	108	+/+
VESA, 1600 x 1200	75	60	162	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,3	60	146,25	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,5	60	148,5	+/+



Đã bật PBP (nguồn tín hiệu chính/phụ)

Chế độ hiển thị	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Đồng hồ điểm ảnh (MHz)	Cực đồng bộ (Ngang/Dọc)
VESA, 640 x 480	31,47	60	25,175	-/-
VESA, 640 x 480	37,5	75	31,5	-/-
VESA, 720 x 400	31,47	70	28,32	-/+
VESA, 800 x 600	37,88	60	40	+/+
VESA, 800 x 600	46,86	75	49,5	+/+
VESA, 1024 x 768	48,36	60	65	-/-
VESA, 1024 x 768	60,02	75	78,75	+/+
VESA, 1152 x 864	67,5	60	108	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,98	75	108	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,98	60	135	+/+
VESA, 1600 x 900	60	60	108	+/+
VESA, 1600 x 1200	75	60	162	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,3	60	146,25	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,5	60	148,5	+/+
VESA, 1920 x 1200	74,04	60	154	+/-
VSEA 1920 x 2160	133,29	60	277,25	+/-



Thông số kỹ thuật điện

Mẫu	S3221QS
Tín hiệu đầu vào video	HDMI 2.0 (HDCP), 600 mV cho từng dòng khác biệt, trở kháng đầu vào 100 ohm trên mỗi cặp khác biệt Cổng DisplayPort 1.2, 600 mV cho từng dòng khác biệt, trở kháng đầu vào 100 ohm trên mỗi cặp khác biệt
Điện áp/tần số/dòng điện đầu vào AC	100 VAC đến 240 VAC/50 Hz hoặc 60 Hz ± 3 Hz/1,6 A (tối đa)
Dòng điện khởi động	120 V: 30 A (tối đa) ở nhiệt độ 0°C (khởi động nguội) 240 V: 60 A (tối đa) ở nhiệt độ 0°C (khởi động nguội)
Mức tiêu thụ điện	0,2 W (Chế độ tắt) ¹ 0,2 W (Chế độ chờ) ¹ 38,5 W (Chế độ bật) ¹ 91 W (Tối đa) ² 35 W (Pon) ³ 109,02 kWh (TEC) ³

¹ Như được nêu trong Quy định EU 2019/2021 và EU 2019/2013.

² Cài đặt độ sáng và độ tương phản tối ưu với mức tải nguồn điện tối đa trên tất cả các cổng USB.

³ Pon: Mức tiêu thụ điện của Chế độ bật được đo bằng tham chiếu đến phương pháp kiểm tra Energy Star.

TEC: Tổng mức tiêu thụ điện tính theo kWh được đo bằng tham chiếu đến phương pháp kiểm tra Energy Star.

Tài liệu này chỉ cung cấp thông tin và phản ánh hiệu suất hoạt động ở phòng thí nghiệm. Sản phẩm có thể hoạt động khác nhau, tùy thuộc vào phần mềm, các linh kiện và thiết bị ngoại vi mà quý khách đã đặt mua và chúng tôi không có trách nhiệm phải cập nhật thông tin này.



Do đó, quý khách không nên dựa vào thông tin này để đưa ra các quyết định về độ dung sai điện hoặc bằng cách khác. Không có bảo đảm về độ chính xác hoặc sự hoàn chỉnh của sản phẩm được nêu rõ hay ngụ ý.

Đặc tính vật lý

Mẫu	S3221QS
Loại cáp tín hiệu	<ul style="list-style-type: none"> • Kỹ thuật số: Cổng DisplayPort, 20 chân cắm (không kèm theo cáp) • Kỹ thuật số: Cổng HDMI, 19 chân cắm • Buýt nối tiếp đa năng: USB, 9 chân cắm
Kích thước (có giá đỡ)	
Chiều cao (đã kéo dài)	518,1 mm (20,40 inch)
Chiều cao (đã rút ngắn)	448,1 mm (17,64 inch)
Chiều rộng	709,2 mm (27,92 inch)
Độ dày	207,0 mm (8,15 inch)
Kích thước (không có giá đỡ)	
Chiều cao	424,8 mm (16,72 inch)
Chiều rộng	709,2 mm (27,92 inch)
Độ dày	64,0 mm (2,52 inch)
Kích thước giá đỡ	
Chiều cao	382,2 mm (15,05 inch)
Chiều rộng	302,0 mm (11,89 inch)
Độ dày	207,0 mm (8,15 inch)
Trọng lượng	
Trọng lượng có thùng đựng	15,2 kg (33,53 lb)
Trọng lượng có kèm bộ phận giá đỡ và các loại cáp	10,9 kg (24,12 lb)
Trọng lượng không có bộ phận giá đỡ (không cáp)	7,4 kg (16,25 lb)
Trọng lượng của bộ phận giá đỡ	3,1 kg (6,86 lb)
Độ bóng khung trước	Khung đen 2-4 đơn vị bóng



Đặc tính môi trường

Mẫu	S3221QS
Tiêu chuẩn phù hợp	
<ul style="list-style-type: none">• Tuân thủ quy định RoHS• Màn hình giảm sử dụng BFR/PVC (các bảng mạch được chế tạo từ tấm mỏng không chứa BFR/PVC.)• Mặt kính không chứa asen và chỉ tấm nền là không chứa chất thủy ngân.	
Nhiệt độ	
Sử dụng	0°C ~ 40°C (32°F ~ 104°F)
Không sử dụng	<ul style="list-style-type: none">• Bảo quản: -20°C ~ 60°C (-4°F ~ 140°F)• Vận chuyển: -20°C ~ 60°C (-4°F ~ 140°F)
Độ ẩm	
Sử dụng	10% đến 80% (không ngưng tụ)
Không sử dụng	<ul style="list-style-type: none">• Bảo quản ở mức 10% đến 90% (không ngưng tụ)• Vận chuyển ở mức 10% đến 90% (không ngưng tụ)
Độ cao	
Sử dụng (tối đa)	5.000 m (16.400 ft)
Không sử dụng (tối đa)	12.192 m (40.000 ft)
Công suất tản nhiệt	<ul style="list-style-type: none">• 310,72 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (tối đa)• 129,75 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (chuẩn)



Tính năng Cắm Là Chạy

Bạn có thể lắp đặt màn hình vào bất kỳ hệ thống nào tương thích với chuẩn Cắm Là Chạy (Plug and Play). Màn hình tự động cung cấp cho hệ thống máy tính Dữ Liệu Nhận Dạng Màn Hình Mở Rộng (EDID) liên quan qua các giao thức Kênh Dữ Liệu Hiển Thị (DDC) để hệ thống có thể tự định cấu hình và tối ưu hóa các cài đặt màn hình. Phần lớn các cài đặt màn hình đều là tự động, bạn có thể chọn các cài đặt khác nếu muốn. Để biết thêm thông tin về cách đổi cài đặt màn hình, xem [Sử dụng màn hình](#).

Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình LCD

Trong quá trình sản xuất màn hình LCD, không hiếm khi gặp tình trạng một hoặc nhiều điểm ảnh trở nên cố định ở một trạng thái không thay đổi vốn rất khó nhận biết và không ảnh hưởng đến chất lượng hiển thị hoặc khả năng sử dụng màn hình. Để biết thêm thông tin về Chính sách Chất lượng và Điểm ảnh Màn hình Dell, xem trang Hỗ trợ Dell tại www.dell.com/pxelguidelines.



Thiết kế công thái học

△ **CHÚ Ý:** Việc sử dụng bàn phím không đúng cách hoặc kéo dài có thể dẫn đến chấn thương.

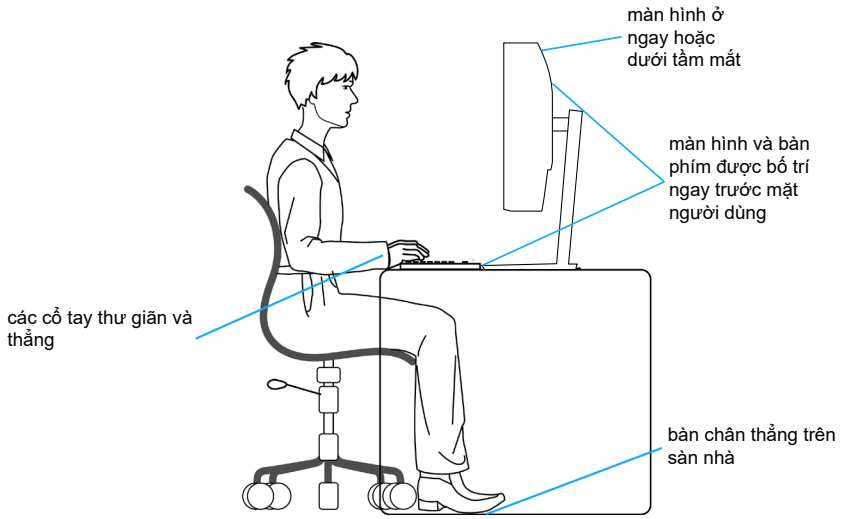
△ **CHÚ Ý:** Xem màn hình trong thời gian dài có thể dẫn đến mỏi mắt.

Để thoải mái và hiệu quả, hãy tuân thủ các hướng dẫn sau khi thiết lập và sử dụng máy tính trạm của bạn:

- Bố trí máy tính sao cho màn hình và bàn phím ở ngay trước bạn khi làm việc. Các kệ đặc biệt có bán trên thị trường để giúp bạn bố trí bàn phím đúng vị trí.
- Để giảm nguy cơ mỏi mắt và đau cổ/cánh tay/lưng/vai vì sử dụng màn hình trong thời gian dài, chúng tôi khuyên bạn:
 1. Đặt màn hình cách mắt bạn từ 50 - 70 cm (20 - 28 inch).
 2. Thường xuyên nháy mắt để làm ẩm mắt hoặc nhỏ mắt bằng nước sau khi sử dụng màn hình trong thời gian dài.
 3. Thường xuyên nghỉ giải lao đều đặn trong 20 phút mỗi hai giờ.
 4. Tránh nhìn màn hình và nhìn chăm chú vào một vật ở xa cách 20 foot trong ít nhất 20 giây khi nghỉ giải lao.
 5. Tiến hành căng cơ để giảm căng cổ, cánh tay, lưng và vai khi nghỉ giải lao.
- Đảm bảo màn hình nằm ngang tầm mắt hoặc thấp hơn một chút khi bạn ngồi trước màn hình.
- Điều chỉnh độ nghiêng, cài đặt độ tương phản và độ sáng màn hình.
- Điều chỉnh ánh sáng xung quanh bạn (như đèn trên cao, đèn bàn và rèm cửa hoặc rèm trên cửa sổ gần đó) để giảm thiểu phản xạ và ánh sáng chói trên màn hình.
- Sử dụng loại ghế ngồi đỡ được phần lưng dưới.
- Giữ cẳng tay ngang với cổ tay ở vị trí trung gian, thoải mái trong khi sử dụng bàn phím hoặc chuột.
- Luôn chừa không gian để nghỉ tay trong khi sử dụng bàn phím hoặc chuột.
- Hãy để cánh tay trên của bạn nghỉ ngơi tự nhiên ở cả hai bên.
- Đảm bảo bàn chân đang đặt thẳng trên sàn nhà.
- Khi ngồi, hãy chắc chắn rằng trọng lượng chân của bạn dồn lên đôi bàn chân chứ không phải dồn lên phần trước ghế. Điều chỉnh độ cao ghế hoặc sử dụng chân ghế nếu cần để duy trì tư thế thích hợp.



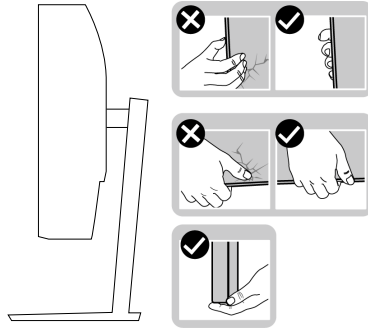
- Thay đổi các hoạt động công việc của bạn. Cố gắng sắp xếp công việc để bạn không phải ngồi và làm việc trong thời gian dài. Cố gắng đứng hoặc đi bộ đều đặn.
- Giữ khu vực dưới bàn làm việc không có các vật cản và dây cáp hoặc dây điện có thể gây cản trở cho chỗ ngồi thoải mái hoặc gây nguy hiểm cho khả năng đi lại.



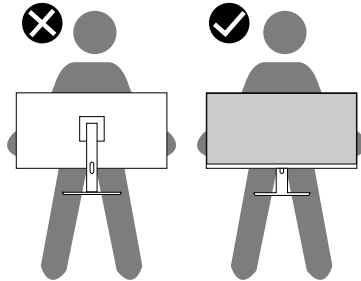
Cầm nắm và di chuyển màn hình

Để đảm bảo màn hình được cầm nắm an toàn khi nâng hoặc di chuyển nó, hãy thực hiện theo các hướng dẫn như đề cập dưới đây:

- Trước khi di chuyển hoặc nâng màn hình, hãy tắt máy tính và màn hình.
- Rút tất cả các dây cáp khỏi màn hình.
- Đặt màn hình vào thùng đựng gốc cùng các vật liệu đóng gói ban đầu.
- Giữ chắc cạnh dưới và cạnh bên màn hình mà không gây áp lực quá mức khi nâng hoặc di chuyển màn hình.

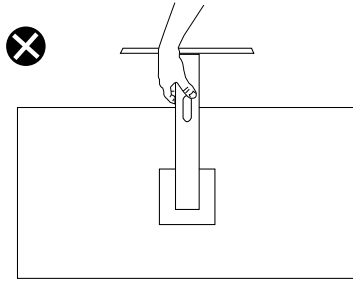


- Khi nâng hoặc di chuyển màn hình, đảm bảo màn hình quay mặt ra khỏi bạn và không ấn vào vùng hiển thị để tránh gây ra mọi vết trầy xước hoặc hư hỏng.



- Khi vận chuyển màn hình, tránh mọi va đập hoặc rung động bất ngờ đối với màn hình.
- Khi nâng hoặc di chuyển màn hình, không lật ngược màn hình trong khi giữ chân đế hoặc giá đỡ. Điều này có thể gây hỏng ngẫu nhiên cho màn hình hoặc gây thương tích cá nhân.





Hướng dẫn bảo dưỡng

Vệ sinh màn hình

⚠ **CẢNH BÁO:** Trước khi vệ sinh màn hình, hãy rút cáp nguồn màn hình ra khỏi ổ cắm điện.

⚠ **CHÚ Ý:** Đọc và thực hiện theo [Hướng dẫn an toàn](#) trước khi vệ sinh màn hình.



Để có thông lệ thực hành tốt nhất, thực hiện theo các hướng dẫn trong danh sách dưới đây khi mở thùng đựng, vệ sinh hay cầm nắm màn hình:

- Để lau màn hình, thấm một ít nước vào khăn mềm sạch. Nếu có thể, hãy dùng giấy lụa hoặc dung dịch vệ sinh màn hình chuyên dụng để lau lớp phủ khử tĩnh điện. Không sử dụng benzen, chất pha loãng, amoniac, chất tẩy ăn mòn hoặc khí nén.
- Dùng khăn hơi ẩm để lau sạch màn hình. Tránh sử dụng bất kỳ loại chất tẩy rửa nào vì một số chất tẩy rửa sẽ để lại lớp màng đục trên màn hình.
- Nếu bạn nhìn thấy chất bột trắng khi mở thùng đựng màn hình, hãy dùng khăn lau sạch.
- Cầm màn hình cẩn thận vì màn hình màu đen có thể bị trầy xước và hiện ra các vết xước trắng.
- Để giúp màn hình duy trì chất lượng hình ảnh tối ưu nhất, hãy sử dụng chế độ bảo vệ màn hình tự động thay đổi và tắt nguồn màn hình khi không sử dụng.



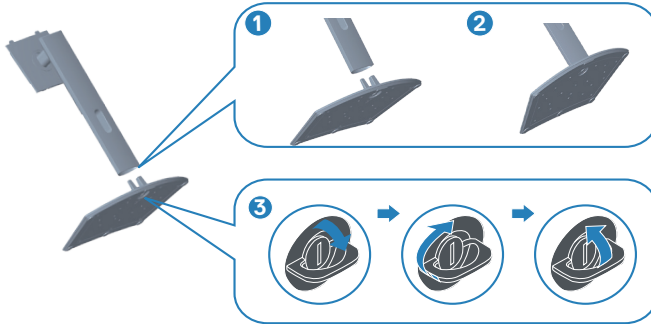
Lắp đặt màn hình

Cắm giá đỡ

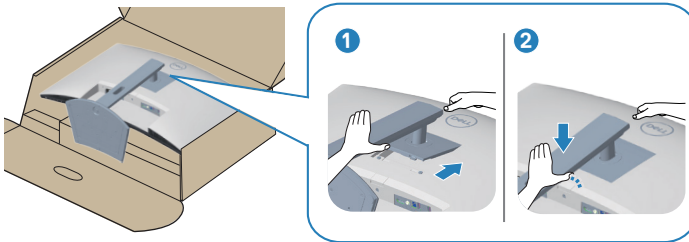
-  **LƯU Ý:** Giá đỡ được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.
-  **LƯU Ý:** Có thể áp dụng quy trình sau cho giá đỡ gửi kèm màn hình. Nếu bạn đang kết nối chân đế của bên thứ ba, hãy tham khảo tài liệu gửi kèm chân đế.

Để lắp giá đỡ màn hình:

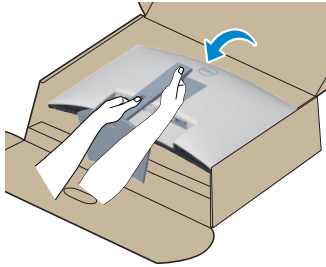
1. Thực hiện theo các hướng dẫn trên nắp đáy thùng đựng để tháo giá đỡ khỏi miếng xốp giữ chặt phía trên.
2. Lắp bộ chân đế vào thanh đứng.
3. Mở tay vặn vít trên bộ chân đế và siết vít để gắn thanh đứng vào bộ chân đế.
4. Đóng tay vặn vít.



5. Trượt các then cài trên bộ giá đỡ vào các khe trên màn hình và ấn bộ giá đỡ xuống để giá được khóa cố định.



6. Đặt màn hình theo hướng thẳng đứng.



Kết nối màn hình

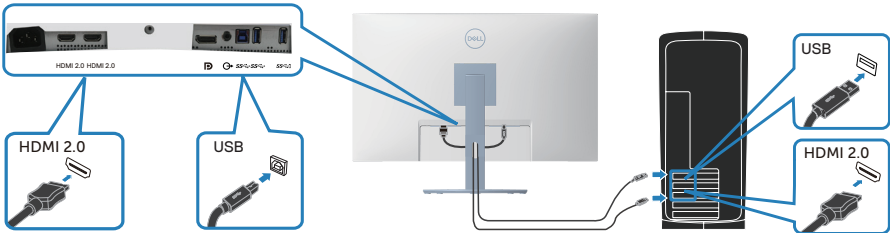
⚠ CẢNH BÁO: Trước khi bạn bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy thực hiện theo [Hướng dẫn an toàn](#).

📌 LƯU Ý: Không được cắm mọi loại cáp vào màn hình cùng một lúc. Bạn nên bố trí các loại cáp qua khe quản lý cáp trước khi kết nối chúng với màn hình.

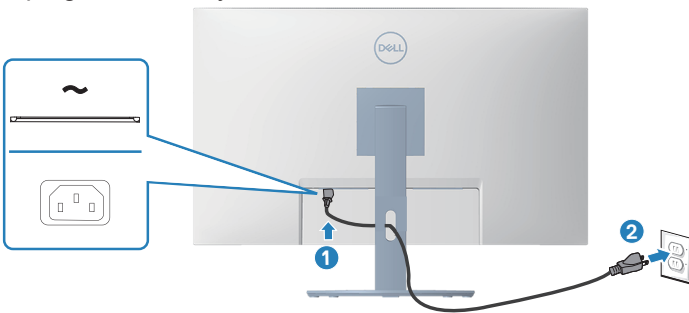
Để kết nối màn hình với máy vi tính:

1. Tắt máy tính và ngắt cáp nguồn.
2. Cắm cáp HDMI hoặc DisplayPort (được mua tùy chọn) từ màn hình vào máy tính.
3. Cắm cáp USB truyền lên (gửi kèm theo màn hình) vào cổng USB 3.0 thích hợp trên máy tính. (Xem [Mặt dưới](#) để biết thêm chi tiết.)
4. Kết nối các thiết bị ngoại vi USB 3.0 với các cổng USB 3.0 truyền xuống trên màn hình.

Kết nối cáp HDMI và cáp USB 3.0

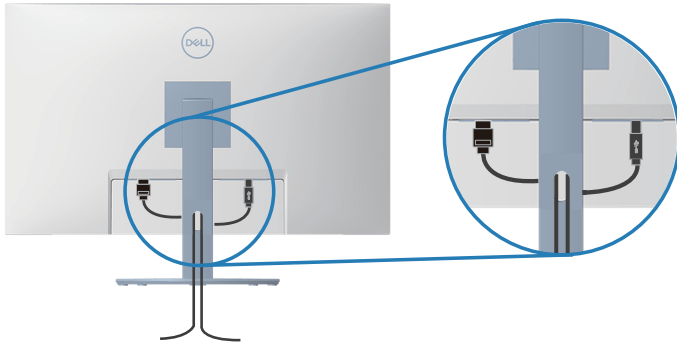


5. Cắm cáp nguồn của máy tính và màn hình vào ổ cắm điện trên tường.

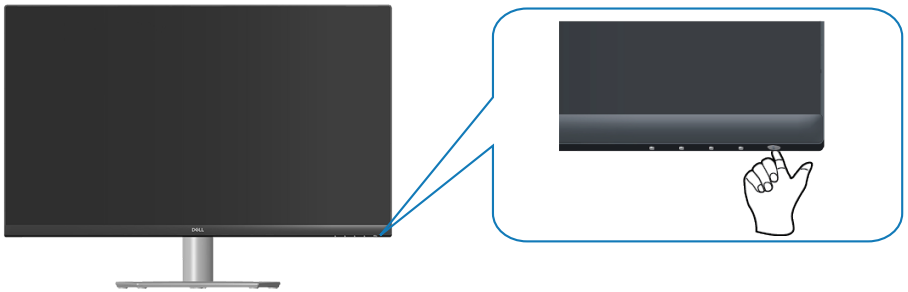


Bộ trí các loại cáp

Sử dụng khe quản lý cáp để sắp xếp cáp cắm vào màn hình.



6. Bật màn hình.



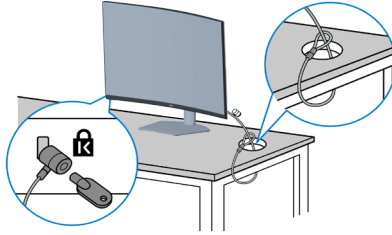
Giữ chặt màn hình bằng khóa Kensington (tùy chọn)

Bạn có thể gắn chặt màn hình bằng khóa an toàn Kensington vào một vật cố định có thể đỡ được trọng lượng màn hình để ngăn nó vô tình rơi xuống.

Khe cắm khóa an toàn nằm ở phía dưới màn hình. (Xem [Khe khóa an toàn](#))

Để biết thêm thông tin về cách sử dụng khóa Kensington (được mua riêng), hãy xem tài liệu được gửi kèm với khóa.

Buộc chặt màn hình vào bàn làm việc bằng khóa an toàn Kensington.



LƯU Ý: Hình ảnh chỉ được dùng vì mục đích minh họa. Hình dạng khóa có thể khác nhau.

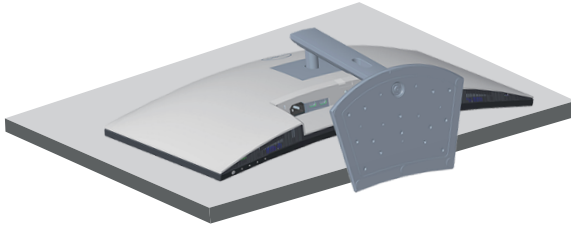


Tháo giá đỡ

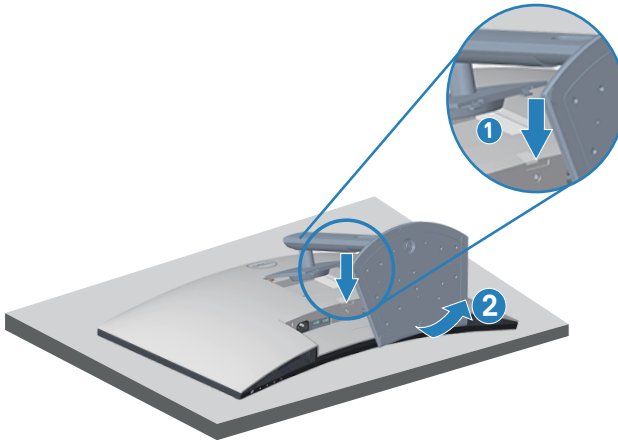
- ❏ **LƯU Ý:** Để tránh cho màn hình khỏi bị trầy xước khi tháo giá đỡ, đảm bảo đặt màn hình trên bề mặt mềm và sạch sẽ.
- ❏ **LƯU Ý:** Chỉ áp dụng quy trình sau cho giá đỡ gửi kèm màn hình. Nếu bạn đang kết nối chân đế của bên thứ ba, hãy tham khảo tài liệu gửi kèm chân đế.

Để tháo giá đỡ:

1. Đặt màn hình lên khăn mềm hoặc nệm lót ở cạnh của bàn.

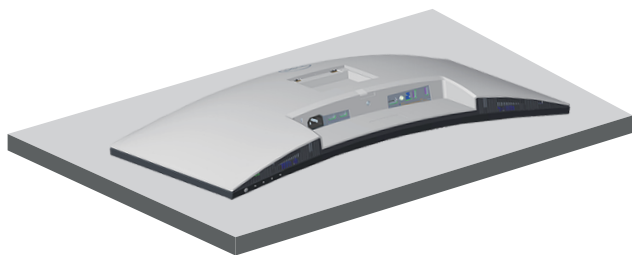


2. Nhấn và giữ nút nhỏ giá đỡ ở phía sau màn hình.

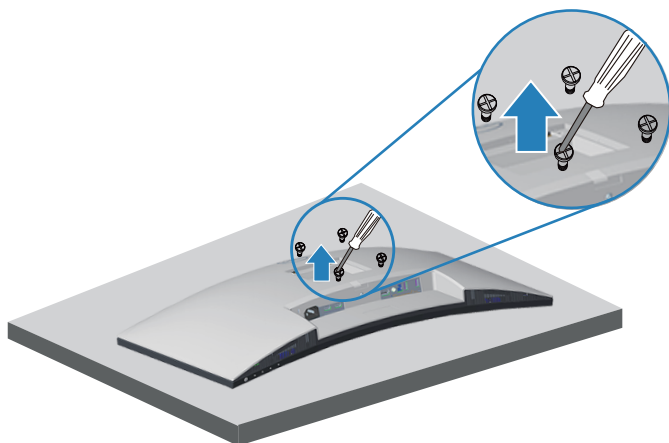


3. Nhấc cụm giá đỡ lên và ra khỏi màn hình.





Giá treo tường (tùy chọn)



(Kích thước vít: M4 x 10 mm).

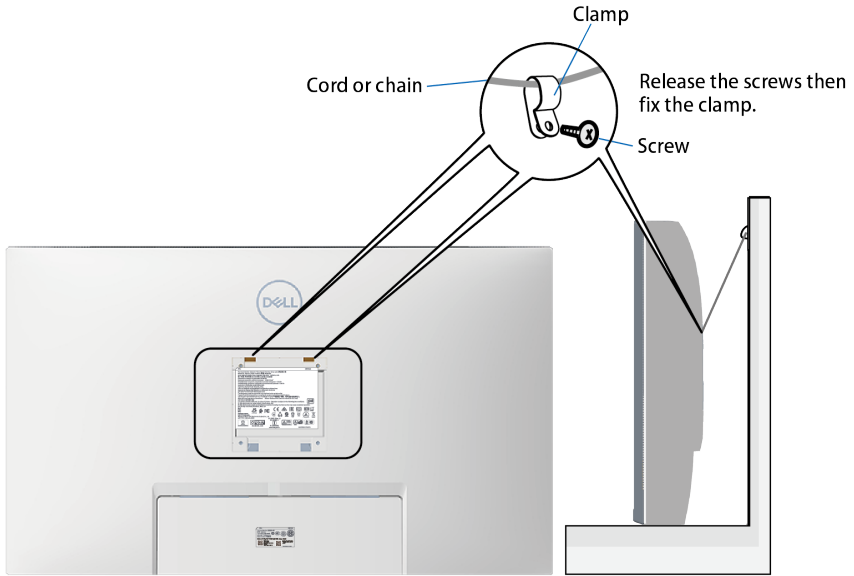
Xem tài liệu kèm theo bộ giá treo tường tương thích chuẩn VESA.

1. Đặt màn hình lên một chiếc khăn mềm hoặc miếng đệm ở cạnh bàn làm việc.
2. Tháo giá đỡ. Xem [Tháo giá đỡ](#).
3. Tháo bốn vít siết chặt nắp đậy phía sau màn hình.
4. Gắn giá treo từ bộ giá treo tường vào màn hình.
5. Để gắn màn hình lên tường, xem tài liệu kèm theo bộ giá treo tường.

LƯU Ý: Chỉ dùng với giá treo tường UL hoặc CSA hoặc giá treo tường liệt kê trong danh sách GS với trọng lượng/khả năng chịu tải tối thiểu 29,5 kg.




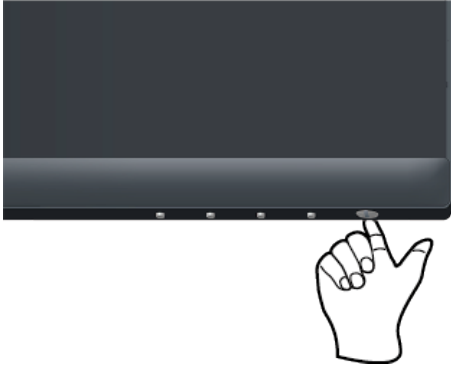
LƯU Ý: Khi sử dụng màn hình, hãy gắn chặt màn hình LCD vào tường bằng dây hoặc xích có thể đỡ được trọng lượng của màn hình để ngăn màn hình rơi xuống. Việc lắp đặt màn hình phải được thực hiện bởi kỹ thuật viên chuyên nghiệp, vì vậy hãy liên hệ nhà cung cấp màn hình của bạn để biết thêm thông tin.



Sử dụng màn hình

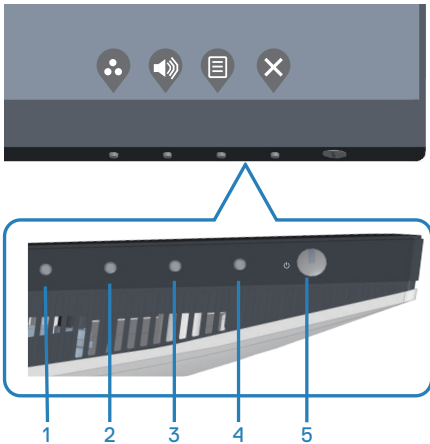
Bật nguồn màn hình

Nhấn nút  để bật màn hình.








Sử dụng các nút điều khiển

Sử dụng các nút điều khiển ở viền dưới màn hình để chỉnh hình ảnh đang hiển thị.



Các nút điều khiển

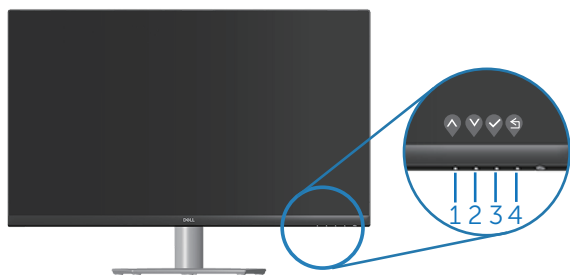
Bảng sau đây mô tả các nút điều khiển:





Các nút điều khiển	Mô tả
1  Shortcut key (Phím tắt)/Preset Modes (Chế độ cài sẵn)	Sử dụng nút này để chọn từ danh sách các chế độ cài sẵn.
2  Shortcut key (Phím tắt)/Volume (Âm lượng)	Sử dụng các nút để chỉnh âm lượng. Tối thiểu là '0' (-). Tối đa là '100' (+).
3  Menu	Sử dụng nút Menu để bật menu Hiển thị Trên Màn hình (OSD). Xem Truy cập menu OSD .
4  Exit (Thoát)	Dùng nút này để trở về menu chính hoặc thoát menu chính OSD.
5  Nguồn điện (với đèn báo nguồn)	Để bật hoặc tắt màn hình. Đèn trắng một màu cho biết màn hình đang bật và hoạt động bình thường. Đèn trắng nhấp nháy cho biết màn hình đang ở Chế độ chờ.



Các nút điều khiển menu OSD

Dùng các nút ở phía dưới màn hình để chỉnh cài đặt hình ảnh.



	Các nút điều khiển	Mô tả
1	 Lên	Dùng nút Lên để tăng các giá trị hoặc chuyển lên trong một menu.
2	 Xuống	Dùng nút Xuống để giảm các giá trị hoặc chuyển xuống trong một menu.
3	 OK	Dùng nút OK để xác nhận lựa chọn của bạn trong một menu.
4	 Quay lại	Dùng nút Quay trở lại để quay trở lại trình đơn hiển thị trước.

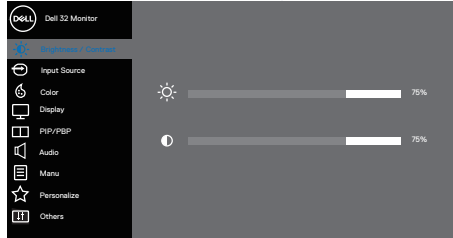














Sử dụng menu Hiển thị Trên Màn hình (OSD)

Truy cập menu OSD


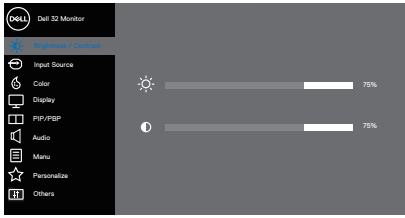









LƯU Ý: Mọi thay đổi bạn thực hiện sẽ được lưu lại tự động khi bạn chuyển sang một menu khác, thoát menu OSD hoặc đợi menu OSD đóng tự động.

1. Nhấn nút  để hiển thị menu chính OSD.


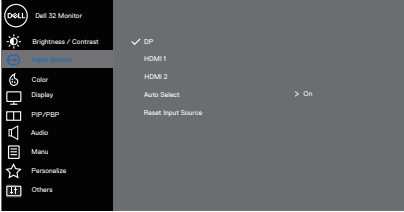




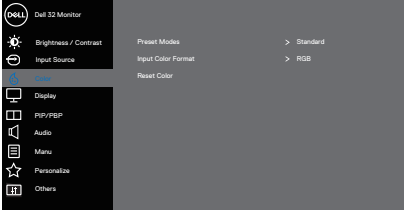


2. Nhấn nút  và  để chuyển giữa các tùy chọn cài đặt. Khi bạn chuyển từ biểu tượng này sang biểu tượng khác, tên tùy chọn sẽ được bôi đậm.
3. Nhấn nút  hoặc  hoặc  một lần để kích hoạt tùy chọn vừa tô sáng.
4. Nhấn nút  và  để chọn thông số mong muốn.
5. Nhấn  và sau đó sử dụng các nút  và , theo chỉ báo trên menu để thực hiện các thay đổi.
6. Chọn  để trở về menu trước hoặc  để chấp nhận và trở về menu trước.



Biểu tượng	Menu và Menu phụ	Mô tả
	Brightness/ Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)	<p>Dùng menu này để kích hoạt điều chỉnh Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản).</p>  <p style="text-align: right;">     </p>
	Brightness (Độ sáng)	<p>Độ sáng cho phép chỉnh độ sáng của đèn nền.</p> <p>Nhấn nút  để tăng độ sáng và nhấn nút  để giảm độ sáng (tối thiểu 0/tối đa 100).</p> <p> LƯU Ý: Điều chỉnh độ sáng bằng thủ công sẽ bị tắt khi kích hoạt tính năng Smart HDR (HDR thông minh) và nội dung HDR hiển thị.</p>
	Contrast (Độ tương phản)	<p>Chỉnh Độ sáng trước rồi chỉnh Độ tương phản chỉ khi cần phải chỉnh thêm.</p> <p>Nhấn nút  để tăng độ tương phản và nhấn nút  để giảm độ tương phản (tối thiểu 0/tối đa 100).</p> <p>Chức năng Contrast (Độ tương phản) chỉnh mức độ sáng tối khác nhau trên màn hình.</p>



	<p>Input Source (Nguồn vào)</p>	<p>Dùng menu Nguồn vào để chọn giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối với màn hình.</p> 
	<p>DP</p>	<p>Chọn đầu vào DP khi bạn đang sử dụng đầu nối DP. Nhấn  để chọn nguồn vào DP.</p>
	<p>HDMI 1</p>	<p>Chọn đầu vào HDMI 1 khi bạn đang dùng cổng cắm HDMI 1. Nhấn  để chọn nguồn vào HDMI.</p>
	<p>HDMI 2</p>	<p>Chọn đầu vào HDMI 2 khi bạn đang dùng cổng cắm HDMI 2. Nhấn  để chọn nguồn vào HDMI.</p>
	<p>Auto Select (Chọn tự động)</p>	<p>Chọn Auto Select (Chọn tự động) để dò các tín hiệu đầu vào khả dụng.</p>
	<p>Reset Input Source (Cài lại đầu vào)</p>	<p>Chọn tùy chọn này để phục hồi nguồn vào mặc định.</p>
	<p>Color (Màu sắc)</p>	<p>Dùng Màu sắc để chỉnh chế độ cài đặt màu.</p> 





Preset Modes (Chế độ cài sẵn)

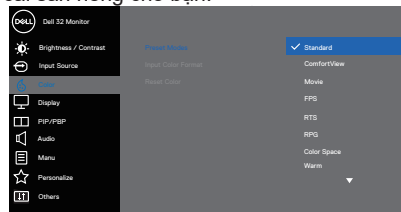
Khi chọn **preset modes (chế độ cài sẵn)**, bạn có thể chọn **Standard (chuẩn)**, **Comfortview (xem thoải mái)**, **Movie (phim)**, **FPS**, **RTS**, **RPG**, **Color Space (Không gian màu)**, **Warm (nóng)**, **Cool (nguội)** hoặc **Custom color (màu tùy chỉnh)** từ danh sách.

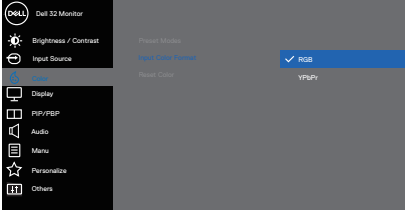


- **Standard (chuẩn)**: Nạp các cài đặt màu mặc định của màn hình. Đây là chế độ cài sẵn mặc định.
- **ComfortView (Xem thoải mái)**: Giảm mức ánh sáng xanh phát ra từ màn hình để giúp mắt của bạn xem thoải mái hơn.
- **Movie (Phim)**: Nạp cài đặt màu sắc lý tưởng để xem phim.
- **FPS**: Tải cài đặt màu sắc lý tưởng cho các trò chơi Bắn súng góc nhìn người thứ nhất.
- **RTS**: Tải cài đặt màu sắc lý tưởng cho các trò chơi Chiến lược thời gian thực.
- **RPG**: Tải cài đặt màu sắc lý tưởng cho các trò chơi Nhập vai.
- **Color Space (Không gian màu)**: Cho phép bạn chọn không gian màu sRGB hoặc DCI-P3.

 **Khi bạn chọn tùy chọn không gian màu DCI-P3, độ sáng màn hình cũng sẽ thay đổi theo.**

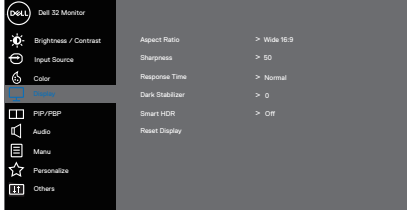


- **Warm (Nóng)**: Tăng nhiệt độ màu. Màn hình hiển thị nóng hơn với sắc đỏ/vàng.
- **Cool (nguội)**: Giảm nhiệt độ màu. Màn hình hiển thị nguội hơn với sắc xanh lam.
- **Custom Color (Màu tùy chỉnh)**: Cho phép bạn chỉnh thủ công các cài đặt màu sắc.

Nhấn nút  và  để chỉnh ba giá trị màu (Đỏ, Lục, Lam) và tạo chế độ màu cài sẵn riêng cho bạn.


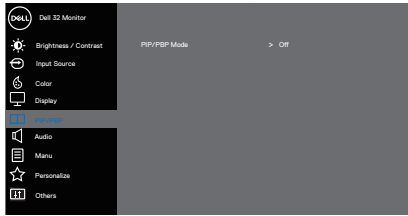












<p>Input Color Format (Định dạng màu sắc đầu vào)</p>	<p>Cho phép bạn cài chế độ đầu vào video sang:</p> <ul style="list-style-type: none"> • RGB: Chọn tùy chọn này nếu màn hình của bạn được kết nối với máy tính hoặc đầu đĩa DVD bằng cáp HDMI. • YPbPr: Chọn tùy chọn này nếu đầu đĩa DVD của bạn chỉ hỗ trợ đầu ra YPbPr.  <p style="text-align: right;">⬆ ⬇ ⬇ ⬇</p>
<p>Hue (Tông màu)</p>	<p>Tính năng này có thể chuyển màu hình ảnh video sang màu lục hoặc màu tím. Tùy chọn này dùng để chỉnh màu da mong muốn. Sử dụng ⬆ hoặc ⬇ để chỉnh tông màu từ 0 - 100.</p> <p>Nhấn ⬆ để tăng hình dạng xanh lục của hình video.</p> <p>Nhấn ⬇ để tăng hình dạng màu tím của hình video.</p> <p> LƯU Ý: Điều chỉnh Hue (Tông màu) chỉ có sẵn khi bạn chọn chế độ Movie (Phim) hoặc Game (Trò chơi).</p>
<p>Saturation (Độ bão hòa)</p>	<p>Tính năng này có thể chỉnh độ bão hòa màu sắc của hình video. Dùng ⬆ hoặc ⬇ để chỉnh tông màu từ 0 - 100.</p> <p>Nhấn ⬆ để tăng hình dạng đơn sắc của hình video.</p> <p>Nhấn ⬇ để tăng hình dạng đa màu sắc của hình video.</p> <p> LƯU Ý: Điều chỉnh Saturation (Độ bão hòa) chỉ có sẵn khi bạn chọn chế độ Movie (Phim) hoặc Game (Trò chơi).</p>
<p>Reset Color (Cài lại màu)</p>	<p>Thiết lập lại các cài đặt màu sắc của màn hình về giá trị mặc định gốc.</p>



<p>Display (Hiện thị)</p>	<p>Sử dụng tính năng hiển thị để chỉnh display (hình ảnh).</p> 
<p>Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình)</p>	<p>Chỉnh tỷ lệ hình sang Wide 16:9 (Rộng 16:9), 4:3 hoặc 5:4</p> <p>LƯU Ý: Tỷ lệ khung hình rộng bị tắt khi màn hình ở chế độ PIP/PBP.</p>
<p>Sharpness (Độ sắc nét)</p>	<p>Tính năng này có thể giúp hình ảnh trông sắc nét hoặc mềm mại hơn. Dùng  hoặc  để chỉnh độ sắc nét từ 0 đến 100.</p>
<p>Response Time (Thời gian phản hồi)</p>	<p>Người dùng có thể chọn giữa Normal (thường), Fast (nhanh) hoặc Extreme (Cực độ).</p>
<p>Dark Stabilizer (Bộ ổn định cảnh tối)</p>	<p>Tính năng này cải thiện khả năng hiển thị trong các kịch bản chơi game tối. Giá trị càng cao (từ 0 đến 3) thì khả năng hiển thị trong vùng tối của hình ảnh hiển thị càng rõ nét hơn.</p> <p>LƯU Ý: Bộ ổn định cảnh tối bị tắt khi bật PIP/PBP. LƯU Ý: Bộ ổn định cảnh tối bị tắt khi kích hoạt tính năng Smart HDR (HDR thông minh) và nội dung HDR hiển thị.</p>
<p>Smart HDR (HDR thông minh)</p>	<p>Người dùng có thể chọn giữa Desktop (Màn hình nền), Movie (Phim) HDR, Game (Trò chơi) HDR hoặc Off (Tắt).</p> <p>LƯU Ý: Tính năng Smart HDR bị tắt khi bật PIP/PBP.</p>
<p>Reset Display (Cài lại hiển thị)</p>	<p>Cài lại mọi cài đặt hiển thị về giá trị mặc định gốc.</p>



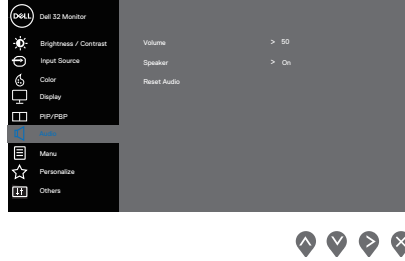
	<p>PIP/PBP</p>	<p>Cho phép bạn xem nhiều hình ảnh hơn cùng một lúc.</p>  <p style="text-align: right;">  </p>																			
	<p>PIP/PBP Mode (Chế độ PIP/PBP)</p>	<p>Điều chỉnh chế độ PIP hoặc PBP. Bạn có thể tắt tính năng này bằng cách chọn Off (Tắt).</p> <p> LƯU Ý: Tính năng FreeSync bị tắt khi bật PIP/PBP.</p>																			
	<p>PIP/PBP (Sub) (Cửa sổ phụ PIP/PBP)</p>	<p>Chọn giữa các tín hiệu video DP, HDMI1 hoặc HDMI2 có thể được kết nối với màn hình cho cửa sổ phụ PIP/PBP.</p> <table border="1" data-bbox="392 606 901 726"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Cửa sổ chính</th> <th colspan="3">Cửa sổ phụ</th> </tr> <tr> <th>DP</th> <th>HDMI1</th> <th>HDMI2</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>DP</td> <td>—</td> <td>✓</td> <td>✓</td> </tr> <tr> <td>HDMI1</td> <td>✓</td> <td>—</td> <td>X</td> </tr> <tr> <td>HDMI2</td> <td>✓</td> <td>X</td> <td>—</td> </tr> </tbody> </table> <p> LƯU Ý: Khi chọn HDMI1 hoặc HDMI2 làm tín hiệu video chính, thì cửa sổ phụ PIP/PBP sẽ chỉ hiển thị video từ nguồn tín hiệu DP.</p>	Cửa sổ chính	Cửa sổ phụ			DP	HDMI1	HDMI2	DP	—	✓	✓	HDMI1	✓	—	X	HDMI2	✓	X	—
Cửa sổ chính	Cửa sổ phụ																				
	DP	HDMI1	HDMI2																		
DP	—	✓	✓																		
HDMI1	✓	—	X																		
HDMI2	✓	X	—																		
	<p>PIP Size (Kích thước PIP)</p>	<p>Chọn kích thước cửa sổ PIP Nhỏ hay Lớn.</p> <p> LƯU Ý: Khi áp dụng khi người dùng bật PIP.</p>																			
	<p>PIP Location (Vị trí PIP)</p>	<p>Chọn vị trí cửa sổ phụ PIP. Sử dụng  hoặc  chọn Top-Left (Trên trái), Top-Right (Trên phải), Bottom-Right (Dưới phải) hoặc Bottom-left (Dưới trái).</p> <p> LƯU Ý: Khi áp dụng khi người dùng bật PIP.</p>																			
	<p>Video Swap (Hoán đổi video)</p>	<p>Chọn để hoán đổi các video giữa cửa sổ chính và cửa sổ phụ ở chế độ PIP/PBP.</p> <p> LƯU Ý: Khi áp dụng khi người dùng bật PIP/ PBP.</p>																			
	<p>Audio (Âm thanh)</p>	<p>Cho phép bạn cài nguồn tín hiệu âm thanh từ cửa sổ chính hoặc cửa sổ phụ.</p> <p> LƯU Ý: Khi áp dụng khi người dùng bật PIP/ PBP.</p>																			
	<p>Contrast (Sub) (Độ tương phản phụ)</p>	<p>Chỉnh độ tương phản của hình ở chế độ PIP/PBP.</p> <p> LƯU Ý: Khi áp dụng khi người dùng bật PIP/ PBP.</p>																			





Audio (Âm thanh)

Sử dụng **Audio (Âm thanh)** để điều chỉnh âm thanh.



Volume (Âm lượng)

Sử dụng các nút để chỉnh âm lượng. Tối thiểu là '0' (-). Tối đa là '100' (+).

Speaker (Loa)

Chọn tùy chọn này để bật loa.

Reset Audio (Cài lại âm thanh)

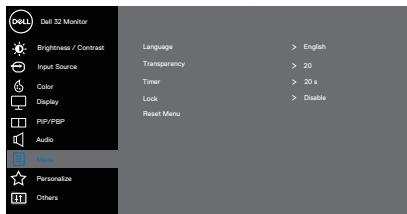
Chọn tùy chọn này để phục hồi các cài đặt mặc định của màn hình.





Menu

Chọn tùy chọn này để chỉnh các cài đặt của menu OSD chẳng hạn như ngôn ngữ menu OSD, thời lượng mà menu này tiếp tục hiển thị trên màn hình, v.v...



Language (Ngôn ngữ)

Tùy chọn ngôn ngữ sẽ cài đặt màn hình OSD sang một trong 8 thứ tiếng (English (Anh), Spanish (Tây Ban Nha), French (Pháp), German (Đức), Brazilian Portuguese (Bồ Đào Nha Braxin), Russian (Nga), Simplified Chinese (Hoa Giản) thể hoặc Japanese (Nhật)).

Transparency (Độ trong suốt)

Chọn tùy chọn này để đổi độ trong suốt menu bằng cách nhấn các nút và từ 0 đến 100.

Timer (Hẹn giờ)

OSD hold time (Giờ giữ menu OSD): cài thời lượng mà menu OSD sẽ tiếp tục hoạt động sau khi bạn nhấn nút lần cuối.

Sử dụng hoặc để chỉnh con trượt tăng thêm 1 giây, từ 5 đến 60 giây.

Lock (Khóa)

Kiểm soát người dùng truy cập vào các điều chỉnh. Người dùng có thể chọn một trong các tùy chọn sau: Menu Buttons, Power Button, Menu + Power Buttons, Disable (Các nút Menu, Nút Nguồn, Menu + Nút Nguồn, Tắt).

Reset Menu (Cài lại menu)

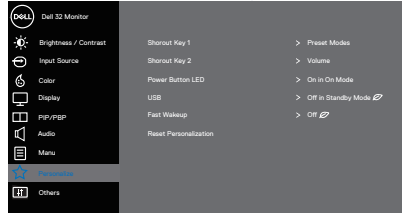
Thiết lập lại mọi cài đặt OSD về giá trị mặc định gốc.





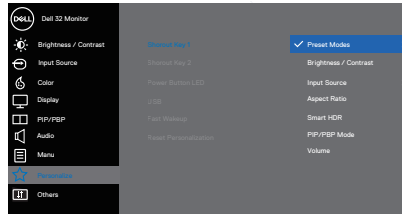
Personalize (Cá nhân hóa)

Chọn tùy chọn này để chỉnh các cài đặt cá nhân.



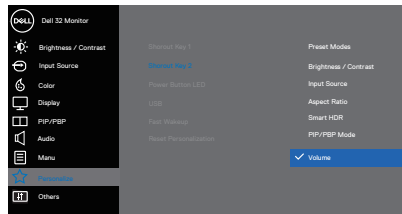
Shortcut Key 1 (Phím tắt 1)

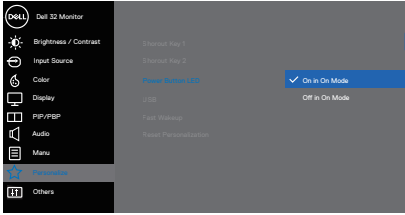

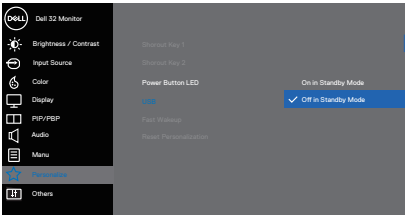

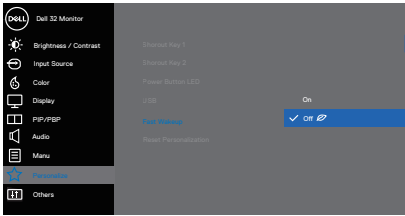

Người dùng có thể chọn một trong các tùy chọn sau: Preset Modes (Chế độ cài sẵn), Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản), Input Source (Nguồn vào), Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình), Smart HDR (HDR thông minh), PIP/PBP Mode (Chế độ PIP/PBP), Volume (Âm lượng) để thiết lập shortcut key 1 (phím tắt 1).




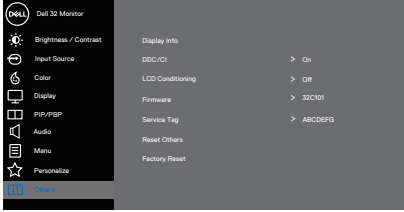




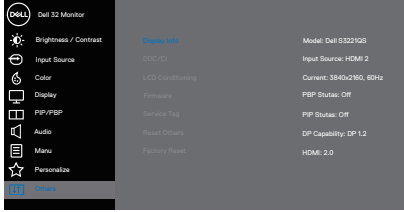




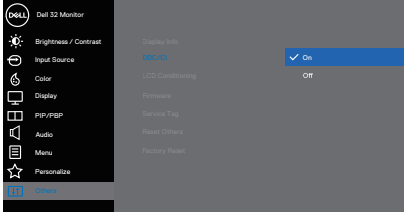




Shortcut Key 2 (Phím tắt 2)

Người dùng có thể chọn một trong các tùy chọn sau: Preset Modes (Chế độ cài sẵn), Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản), Input Source (Nguồn vào), Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình), Smart HDR (HDR thông minh), PIP/PBP Mode (Chế độ PIP/PBP), Volume (Âm lượng) để thiết lập shortcut key 2 (phím tắt 2).




<p>Power Button LED (Đèn LED nút nguồn)</p>	<p>Cho phép bạn đặt đèn báo LED nguồn sang On in On Mode (Bật ở chế độ bật) hoặc Off in On Mode (Tắt ở chế độ tắt) để tiết kiệm điện.</p>  <p style="text-align: right;">  </p>
<p>USB</p>	<p>Cho phép bạn bật hoặc tắt chức năng sạc qua USB ở chế độ chờ màn hình.</p>  <p style="text-align: right;">  </p>
<p>Fast Wakeup (Khởi động nhanh)</p>	<p>Cho phép bạn bật hoặc tắt chức năng Fast Wakeup (Khởi động nhanh).</p>  <p style="text-align: right;">  </p>
<p>Reset Personalization (Cài lại cá nhân hóa)</p>	<p>Cài lại mọi cài đặt trong menu cá nhân sang cài đặt mặc định.</p>



	Others (Khác)	<p>Chọn tùy chọn này để điều chỉnh các cài đặt menu OSD, như DDC/CI, LCD conditioning (điều tiết màn hình LCD), v.v...</p>  <p style="text-align: right;">     </p>
	Display Info (Hiện thị thông tin)	<p>Hiện thị các cài đặt hiện tại của màn hình.</p>  <p style="text-align: right;">     </p>
	DDC/CI	<p>DDC/CI (Kênh dữ liệu hiển thị/giao diện lệnh) cho phép điều chỉnh các thông số kỹ thuật của màn hình (độ sáng, cân bằng màu sắc, v.v...) qua phần mềm trên máy tính.</p> <p>Bạn có thể tắt tính năng này bằng cách chọn Off (Tắt).</p> <p>Bật tính năng này bằng cách chọn bật cho trải nghiệm người dùng tốt nhất và hiệu suất tối ưu của màn hình.</p>  <p style="text-align: right;">     </p>
	LCD Conditioning (Điều tiết màn hình LCD)	<p>Giúp giảm bớt các trường hợp lưu giữ ảnh không đáng kể. Tùy vào mức độ lưu giữ ảnh, chương trình có thể mất một lúc để khởi động.</p> <p>Để bật LCD conditioning (Điều tiết màn hình LCD), chọn On (Bật).</p>
	Firmware (Phần sụn)	<p>Hiện thị phiên bản phần sụn về màn hình.</p>



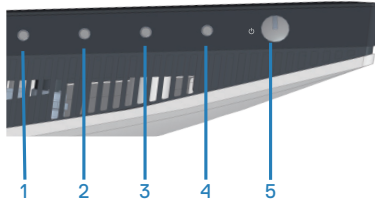
	Service Tag (Thẻ dịch vụ)	<p>Hiển thị số thẻ dịch vụ của màn hình. Thẻ dịch vụ là mã nhận dạng chữ số duy nhất cho phép Dell xác định thông số sản phẩm và truy cập thông tin bảo hành.</p> <p> LƯU Ý: Thẻ dịch vụ cũng được in trên một chiếc nhãn nằm ở phía sau phần nắp.</p>
	Reset Others (Cài lại tùy chọn khác)	Cài lại mọi cài đặt trong các menu cài đặt khác về giá trị cài đặt gốc.
	Factory Reset (Cài về mặc định gốc)	Khôi phục tất cả các giá trị cài sẵn về cài đặt thiết lập mặc định.

 **LƯU Ý: Màn hình của bạn tích hợp tính năng tự động chỉnh độ sáng để bù vào tình trạng lão hóa đèn LED.**



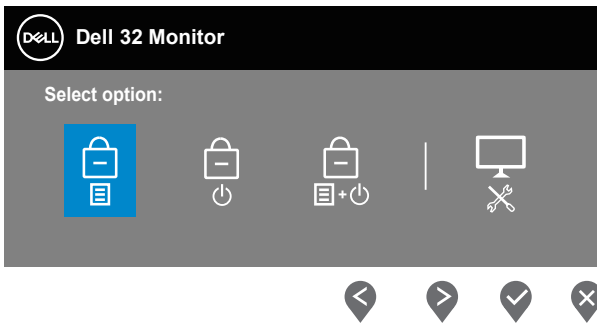
Khoá nút menu và nguồn

Ngăn người dùng truy cập hoặc thay đổi các cài đặt menu OSD trên màn hình. Theo mặc định, cài đặt khóa nút Menu và Nguồn sẽ bị tắt.



Để vào menu khóa, nhấn và giữ nút **Exit (Thoát)** (nút 4) trong bốn giây. Menu khóa sẽ xuất hiện ở góc phải phía dưới màn hình.

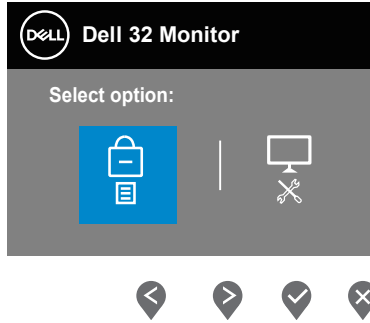
LƯU Ý: Bạn có thể vào menu khóa bằng cách này khi các nút Menu và Nguồn ở trạng thái mở khóa.







Để vào menu mở khóa, nhấn và giữ nút **Exit (Thoát)** (nút 4) trong bốn giây. Menu mở khóa sẽ xuất hiện ở góc phải phía dưới màn hình.


LƯU Ý: Bạn có thể vào menu mở khóa khi các nút Menu và Nguồn ở trạng thái bị khóa.






Có ba tùy chọn khóa.

	Menu	Mô tả
1	Menu Buttons (Các nút Menu) 	Khi chọn Menu Buttons (Các Nút Menu) , bạn không thể thay đổi các cài đặt menu OSD. Tất cả các nút bị khóa trừ nút Nguồn.
2	Power Button (Nút Nguồn) 	Khi chọn Power Button (Nút Nguồn) , bạn không thể tắt màn hình bằng nút Nguồn.
3	Menu + Power Buttons (Các Nút Menu + Nguồn) 	Khi chọn Menu + Power Buttons (Các Nút Menu + Nguồn) , bạn không thể thay đổi các cài đặt menu OSD và nút Nguồn sẽ bị khóa.
4	Chấn đoán tích hợp 	Xem Chẩn đoán tích hợp để biết thêm thông tin.


 **LƯU Ý:** Để vào menu Lock (Khóa) hoặc Unlock (Mở khóa) - Nhấn và giữ nút Thoát (nút 4) trong bốn giây.



Trong các trường hợp sau, biểu tượng  sẽ xuất hiện ở giữa màn hình:

- Khi nhấn nút Lên (nút 1), nút Xuống (nút 2), nút Menu (nút 3) hoặc nút Thoát (nút 4). Điều này cho biết các nút menu OSD đang ở trạng thái khóa.
- Khi nhấn nút Nguồn (nút 5). Điều này cho biết nút Nguồn ở trạng thái khóa.
- Khi nhấn bất kỳ một trong năm nút. Điều này cho biết các nút menu OSD và nút Nguồn ở trạng thái khóa.

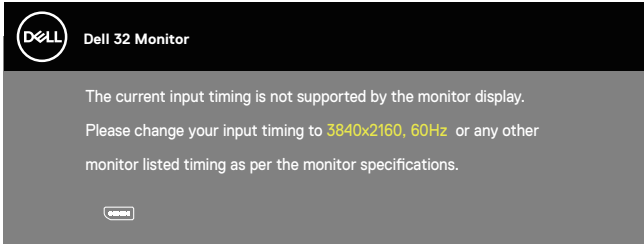
Mở khóa nút menu OSD và nút Nguồn

1. Nhấn và giữ nút Thoát (nút 4) trong bốn giây. Menu mở khóa sẽ hiển thị.
2. Chọn biểu tượng  để mở khóa các nút trên màn hình.



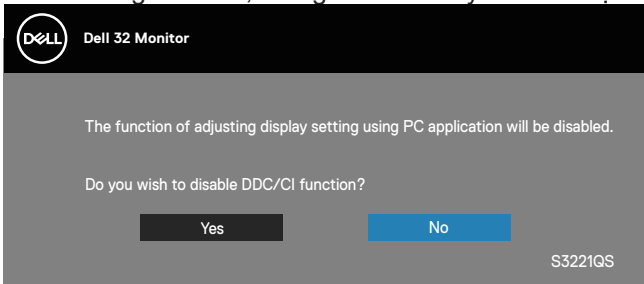
Thông tin cảnh báo OSD

Khi màn hình không hỗ trợ chế độ phân giải đặc biệt, thông báo sau đây sẽ hiển thị:

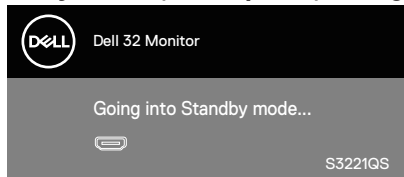


Điều này nghĩa là màn hình không thể đồng bộ với tín hiệu đang nhận được từ máy tính. Xem [Thông số kỹ thuật màn hình](#) để biết các biên độ tần số Horizontal (Ngang) và Vertical (Dọc) khả định của màn hình này. Chế độ khuyến dùng là 3840 x 2160.

Trước khi tắt chức năng **DDC/CI**, thông báo sau đây sẽ hiển thị:

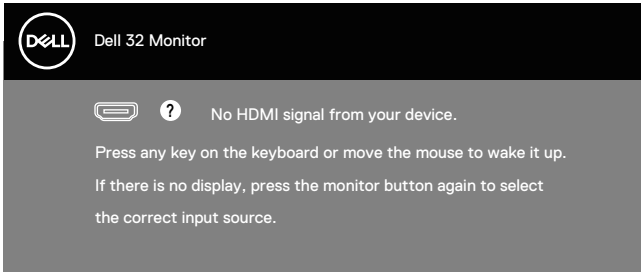


Khi màn hình vào **Standby Mode (Chế độ chờ)**, thông báo sau sẽ xuất hiện:

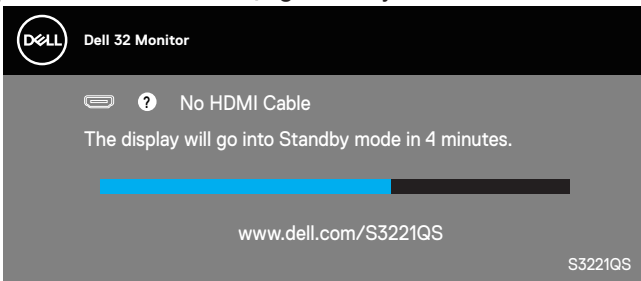


Nếu bạn nhấn bất kỳ nút nào ngoại trừ nút nguồn, các thông báo sau đây sẽ hiển thị tùy vào lựa chọn đầu vào:

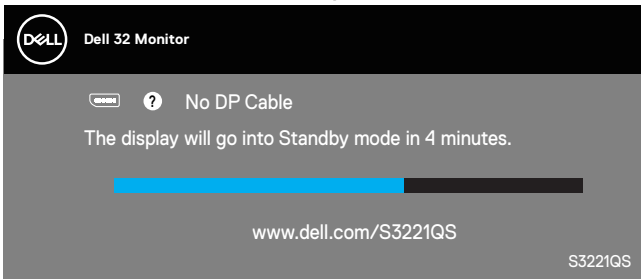





Nếu chưa kết nối cáp HDMI hoặc DisplayPort, một hộp thoại nổi như hình minh họa dưới đây sẽ xuất hiện. Màn hình sẽ vào Standby Mode (Chế độ chờ) sau 4 phút nếu vẫn còn ở trạng thái này.

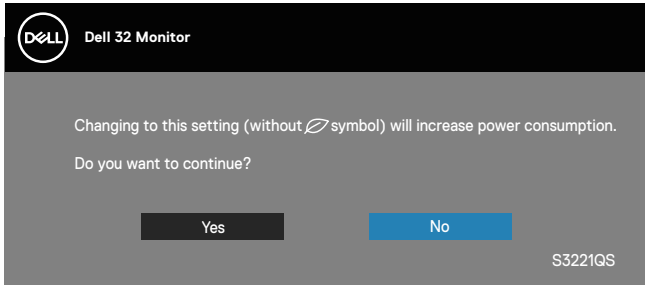




hoặc



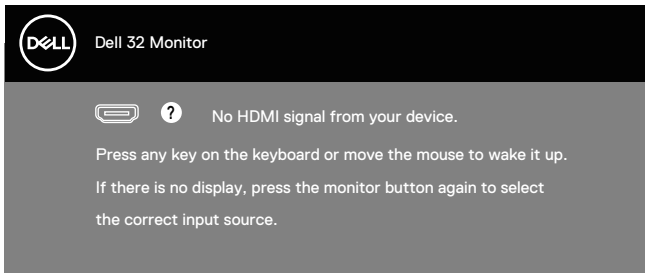
Từ menu OSD khi người dùng chọn bất kỳ tùy chọn định sẵn nào (mà không có một biểu tượng ) vốn tăng mức tiêu thụ điện của màn hình, thì cảnh báo nguồn điện sau sẽ hiển thị:





- Cảnh báo này sẽ hiển thị chỉ một lần và không xuất hiện lại nếu người dùng chọn Yes (Có).
- Sau khi chọn Yes (Có), nếu người dùng chọn bất kỳ tùy chọn định sẵn nào (mà không có một biểu tượng ) vốn tăng mức tiêu thụ điện của màn hình, thì cảnh báo này sẽ không xuất hiện lại.
- Nếu người dùng chọn No (Không), sau đó chọn bất kỳ tùy chọn định sẵn nào (mà không có một biểu tượng ) vốn tăng mức tiêu thụ điện của màn hình, thì cảnh báo sẽ xuất hiện lại.
- Cảnh báo nguồn điện sẽ xuất hiện lại chỉ khi người dùng thực hiện Factory Reset (Cài về mặc định gốc) từ menu OSD.

Menu OSD chỉ hoạt động ở chế độ hoạt động bình thường. Khi nhấn bất kỳ nút nào ở chế độ Tắt hoạt động, thông báo sau đây sẽ hiển thị:



Kích hoạt máy tính và màn hình để truy cập menu OSD.

Xem [Khắc phục sự cố](#) để biết thêm thông tin.



Cài đặt độ phân giải tối đa

Để cài đặt độ phân giải tối đa cho màn hình:

Trên Windows 7, Windows 8, Windows 8.1 và Windows 10:

1. Đối với Windows 8 hoặc Windows 8.1, chọn biểu tượng Màn hình nền để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấp chuột phải vào màn hình nền và nhấp **Screen Resolution (Độ phân giải màn hình)**.
3. Nhấp danh sách Độ phân giải màn hình số xuống và chọn **3840 x 2160**.
4. Nhấp **OK**.

Nếu không nhìn thấy **3840 x 2160** như một tùy chọn thì bạn có thể cần cập nhật driver đồ họa. Tùy vào máy tính của bạn, hãy hoàn tất một trong các quy trình sau:

Nếu bạn có máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay Dell:

- Truy cập www.dell.com/support, nhập Thẻ dịch vụ máy tính của bạn và tải về trình điều khiển mới nhất cho card đồ họa.


Nếu bạn đang sử dụng máy tính không phải của Dell (máy tính xách tay hoặc máy tính để bàn):

- Truy cập trang web hỗ trợ dành cho máy tính của bạn và tải xuống các driver đồ họa mới nhất.
- Truy cập trang web card đồ họa của bạn và tải xuống các driver đồ họa mới nhất.

Nếu bạn sử dụng máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay Dell có kết nối internet

Truy cập www.dell.com/support, nhập các chữ hoa đầu tên bạn và tải xuống driver mới nhất cho card đồ họa.

5. Sau khi cài đặt các driver cho card đồ họa của bạn, thử cài lại độ phân giải sang **3840 x 2160**.

 **LƯU Ý:** Nếu bạn không thể cài độ phân giải sang **3840 x 2160**, vui lòng liên hệ với Dell để hỏi thông tin về card đồ họa hỗ trợ các độ phân giải này.



Nếu bạn có máy tính để bàn, máy tính xách tay hoặc card đồ họa không phải của Dell

Trên Windows 7, Windows 8, Windows 8.1 và Windows 10:

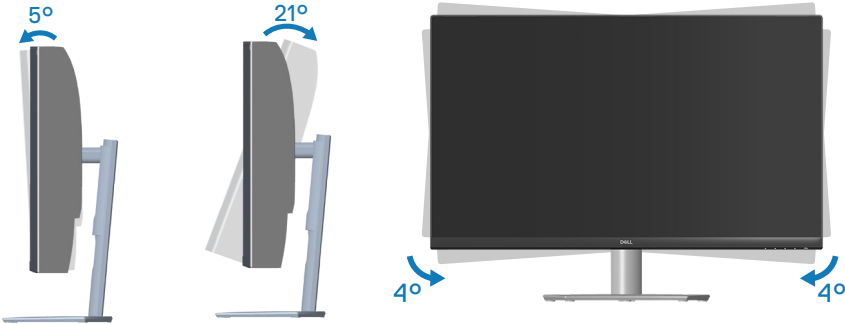
1. Đối với Windows 8 hoặc Windows 8.1, chọn biểu tượng Màn hình nền để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấp chuột phải vào màn hình nền và nhấp **Personalization (Cá nhân hóa)**.
3. Nhấp **Change Display Settings (Đổi cài đặt màn hình)**.
4. Nhấp **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao)**.
5. Xác định nhà cung cấp bộ điều khiển đồ họa của bạn từ nội dung mô tả ở đầu cửa sổ (ví dụ: NVIDIA, ATI, Intel, v.v...).
6. Tham khảo trang web của nhà cung cấp card đồ họa để tải driver cập nhật(chẳng hạn, www.ATI.com HOẶC www.AMD.com).
7. Sau khi cài đặt các driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang **3840 x 2160**.



Sử dụng tính năng mở rộng nghiêng và dọc

LƯU Ý: Những giá trị này áp dụng đối với chân đế được gửi kèm màn hình của bạn. Để thiết lập với bất kỳ giá đỡ nào khác, xem tài liệu hướng dẫn được gửi kèm theo giá đỡ.

Mở rộng nghiêng

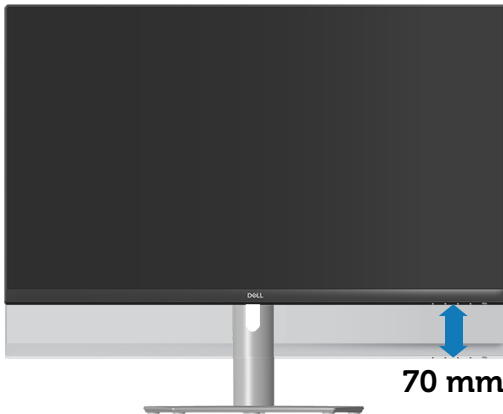


LƯU Ý: Giá đỡ được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.

LƯU Ý: Góc nghiêng của màn hình này là khoảng -4° đến $+4^\circ$, vì vậy nó không cho phép các chuyển động trực xoay.

Kéo dài chiều dọc

LƯU Ý: Chân đế này có thể được kéo dài theo chiều dọc lên tới 70 mm.



Khắc phục sự cố

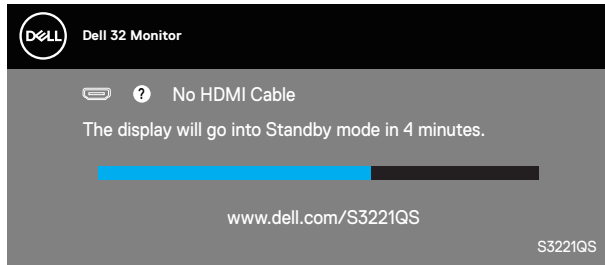
⚠ **CẢNH BÁO:** Trước khi bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy thực hiện theo [Hướng dẫn an toàn](#).

Tự kiểm tra

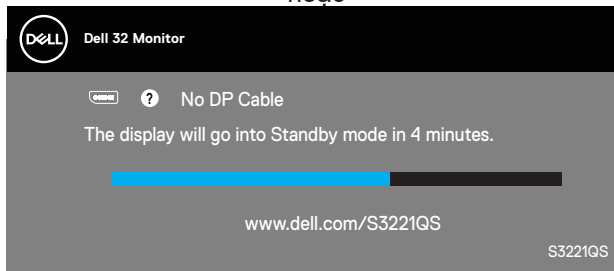
Màn hình cung cấp tính năng tự kiểm tra cho phép bạn kiểm tra xem màn hình có đang hoạt động thích hợp hay không. Nếu màn hình và máy tính của bạn được kết nối đúng cách nhưng màn hình vẫn tối, hãy chạy tùy chọn tự kiểm tra màn hình bằng cách thực hiện theo các bước sau:

1. Tắt máy tính lẫn màn hình.
2. Rút mọi loại cáp video ra khỏi màn hình. Theo cách này, máy tính sẽ không có sự kết nối liên quan.
3. Bật màn hình.

Nếu màn hình đang hoạt động thích hợp thì phát hiện không có tín hiệu và thông báo sau đây sẽ hiển thị. Khi ở chế độ tự kiểm tra, đèn LED nguồn sẽ vẫn có màu trắng.



hoặc





LƯU Ý: Hộp thoại này cũng hiển thị trong khi sử dụng hệ thống bình thường, nếu cáp video bị rút ra hoặc bị hỏng.

4. Tắt màn hình và cắm lại cáp video; sau đó bật cả máy tính và màn hình của bạn.

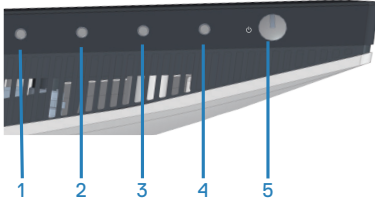
Nếu màn hình vẫn còn đen sau khi bạn cắm lại các loại cáp, hãy kiểm tra bộ điều khiển video và máy tính.



Chẩn đoán tích hợp

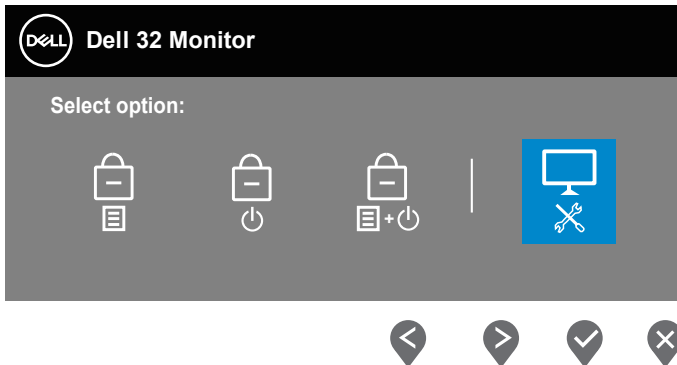
Màn hình của bạn tích hợp hệ chẩn đoán giúp bạn xác định xem mọi bất thường màn hình gặp phải có phải là sự cố thường gặp của màn hình, hoặc máy tính và card video hay không.

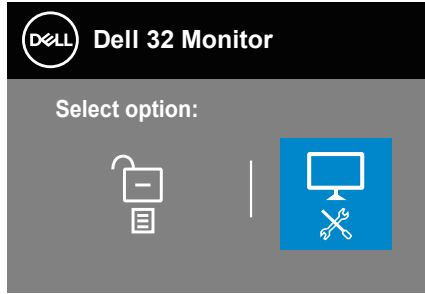
LƯU Ý: Bạn chỉ có thể chạy công cụ chẩn đoán tích hợp khi đã rút cáp video và màn hình đang ở chế độ tự kiểm tra.




Để chạy chế độ chẩn đoán tích hợp:

1. Đảm bảo màn hình sạch sẽ (không có các hạt bụi trên bề mặt màn hình).
2. Rút (các) cáp video khỏi mặt sau máy tính hoặc màn hình. Màn hình lúc này chuyển sang chế độ tự kiểm tra.
3. Nhấn và giữ nút Thoát (nút 4) trong bốn giây để vào menu khóa/mở khóa OSD.





4. Chọn biểu tượng  để chạy chẩn đoán tích hợp.
5. Kiểm tra kỹ màn hình để phát hiện các bất thường.
6. Nhấn lại nút Lên (nút 1) ở nắp đậy phía sau. Màu màn hình sẽ đổi sang màu xám.
7. Kiểm tra màn hình để phát hiện mọi bất thường.
8. Lặp lại bước 6 và 7 để kiểm tra nội dung hiển thị trong các màn hình màu đỏ, lục, lam, đen, trắng và kiểu văn bản.

Quy trình kiểm tra sẽ hoàn tất khi màn hình kiểu văn bản hiển thị. Để thoát, nhấn lại nút Lên (nút 1).

Nếu không phát hiện bất cứ bất thường nào đối với màn hình sau khi sử dụng công cụ chẩn đoán tích hợp thì màn hình đang hoạt động thích hợp. Kiểm tra card video và máy tính.



Các sự cố thường gặp

Bảng sau đây cung cấp thông tin chung về các sự cố màn hình thường gặp mà bạn có thể gặp phải và các giải pháp khả thi:

Triệu chứng thường gặp	Giải pháp khả thi
Không có đèn LED video/Đèn LED nguồn tắt	<p>Đảm bảo cáp video đang kết nối với màn hình, và máy tính được kết nối đúng cách và an toàn.</p> <ul style="list-style-type: none">• Kiểm tra xem ổ cắm điện có đang hoạt động đúng cách với bất kỳ thiết bị điện nào khác hay không.• Đảm bảo đã nhấn nút nguồn.• Đảm bảo chọn đúng nguồn tin hiệu vào qua menu Input Source (Nguồn vào).
Không có đèn LED video/Đèn LED nguồn bật	<ul style="list-style-type: none">• Tăng các nút chỉnh độ sáng và độ tương phản qua menu OSD.• Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra.• Kiểm tra xem các chân cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không.• Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.• Đảm bảo chọn đúng nguồn tin hiệu vào qua menu Input Source (Nguồn vào).
Lấy nét kém	<ul style="list-style-type: none">• Rút cáp mở rộng video.• Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài về mặc định gốc)).• Đổi độ phân giải video sang tỷ lệ khung hình thích hợp.
Video rung/chập chờn	<ul style="list-style-type: none">• Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài về mặc định gốc)).• Kiểm tra các yếu tố môi trường.• Di chuyển màn hình sang vị trí khác và thử ở một phòng khác.



Thiếu điểm ảnh	<ul style="list-style-type: none"> • Chu kỳ bật/tắt nguồn. • Điểm ảnh tắt vĩnh viễn là lỗi tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ màn hình LCD. • Để biết thêm thông tin về Chính Sách Chất Lượng và Điểm Ảnh Màn Hình Del, xem trang Hỗ trợ Dell tại: www.dell.com/pixelguidelines.
Điểm ảnh bị dính	<ul style="list-style-type: none"> • Chu kỳ bật/tắt nguồn. • Điểm ảnh tắt vĩnh viễn là lỗi tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ màn hình LCD. • Để biết thêm thông tin về Chính Sách Chất Lượng và Điểm Ảnh Màn Hình Del, xem trang Hỗ trợ Dell tại: www.dell.com/pixelguidelines.
Sự cố độ sáng	<ul style="list-style-type: none"> • Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài về mặc định gốc)). • Chỉnh các mức độ sáng & độ tương phản qua menu OSD.
Méo hình	<ul style="list-style-type: none"> • Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài về mặc định gốc)). • Chỉnh các nút điều khiển ngang & dọc qua menu OSD.
Đường ngang/dọc	<ul style="list-style-type: none"> • Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài về mặc định gốc)). • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình và xác định xem các đường này có ở chế độ tự kiểm tra hay không. • Kiểm tra xem các chân cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không. • Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.
Sự cố đồng bộ hóa	<ul style="list-style-type: none"> • Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài về mặc định gốc)). • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem màn hình chồng lấp có hiển thị ở chế độ tự kiểm tra hay không. • Kiểm tra xem các chân cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không. • Khởi động lại máy tính ở chế độ an toàn.



Sự cố liên quan đến an toàn	<ul style="list-style-type: none"> • Không thực hiện bất kỳ bước khắc phục sự cố nào. • Liên hệ ngay với Dell.
Sự cố gián đoạn	<ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng cách và an toàn. • Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài về mặc định gốc)). • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem sự cố gián đoạn có xuất hiện ở chế độ tự kiểm tra hay không.
Thiếu màu sắc	<ul style="list-style-type: none"> • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra. • Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng cách và an toàn. • Kiểm tra xem các chân cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không.
Màu sắc không đúng	<ul style="list-style-type: none"> • Đổi Color Setting Mode (Chế độ cài đặt màu) trong menu OSD Color Settings (Cài đặt màu) sang Graphics (Ảnh đồ họa) hoặc Video tùy vào ứng dụng. • Thử các Preset Modes (Chế độ cài sẵn) trong menu OSD cài đặt Color (Màu sắc). Chính giá trị R/G/B trong Custom Color (Màu tùy chỉnh) trên menu OSD cài đặt Color (Màu sắc). • Đổi Input Color Format (Định dạng màu vào) sang RGB hoặc YPbPr trên OSD cài đặt Color (Màu sắc). • Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.
Lỗi giữ ảnh từ ảnh tĩnh vẫn còn lưu giữ trên màn hình trong một thời gian dài	<ul style="list-style-type: none"> • Cài màn hình để tự tắt sau vài phút ở chế độ chờ. Có thể điều chỉnh tính năng này trong cài đặt Windows Power Options hoặc Mac Energy Saver. • Ngoài ra, cũng có thể sử dụng chức năng bảo vệ màn hình thay đổi tự động.
Bóng mờ hoặc phủ quá rộng video	<ul style="list-style-type: none"> • Đổi Response Time (Thời gian phản đáp) trên menu OSD Display (Hiển thị) sang Normal (Thường), Fast (Nhanh) hoặc Extreme (Cực độ) tùy vào ứng dụng và cách sử dụng của bạn.




Sự cố liên quan đến sản phẩm

Triệu chứng cụ thể	Giải pháp khả thi
Ảnh màn hình quá nhỏ	<ul style="list-style-type: none">Kiểm tra cài đặt Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình) trên menu OSD cài đặt Display (Hiện thị).Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài về mặc định gốc)).
Không thể điều chỉnh màn hình bằng các nút phía dưới.	<ul style="list-style-type: none">Tắt màn hình, rút dây nguồn, cắm lại rồi bật lại màn hình.Kiểm tra xem menu OSD có bị khóa hay không. Nếu có, nhấn và giữ nút Thoát (nút 4) trong bốn giây để mở khóa.
Không có tín hiệu đầu vào khi nhấn các nút điều khiển người dùng	<ul style="list-style-type: none">Kiểm tra nguồn tín hiệu. Đảm bảo máy tính không ở Chế độ chờ bằng cách di chuyển chuột hoặc nhấn bất kỳ phím nào trên bàn phím.Kiểm tra xem cáp video có được cắm thích hợp hay không. Ngắt và kết nối lại cáp video nếu cần.Khởi động lại máy tính hoặc đầu phát video.
Ảnh không hiển thị toàn màn hình	<ul style="list-style-type: none">Do các định dạng video khác nhau (tỷ lệ khung hình) của các đĩa DVD, màn hình có thể hiển thị trên toàn màn hình.Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.



Phụ lục

 **CẢNH BÁO:** Sử dụng các nút điều khiển, điều chỉnh hoặc các quy trình khác ngoài các quy trình được nêu rõ trong tài liệu này có thể khiến người dùng dễ bị điện giật, gặp các rủi ro về điện và/hoặc cơ học.

Để biết thông tin về hướng dẫn an toàn, hãy tham khảo **Thông tin về An toàn, Môi trường và Quy định (SERI)**.

Thông báo FCC (chỉ áp dụng ở Mỹ) và thông tin quy định khác

Để xem các thông báo FCC và thông tin quy định khác, hãy truy cập trang web tuân thủ quy định tại www.dell.com/regulatory_compliance.

Liên hệ với Dell

Đối với các khách hàng ở Mỹ, hãy gọi số 800-WWW-DELL (800-999-3355).

 **LƯU Ý:** Nếu không có kết nối Internet hoạt động, bạn có thể tìm thấy thông tin liên lạc trên hóa đơn mua hàng, danh sách đóng gói, hóa đơn hoặc danh mục sản phẩm Dell của mình.

Dell cung cấp nhiều tùy chọn dịch vụ và hỗ trợ qua mạng và qua điện thoại. Khả năng có sẵn dịch vụ khác nhau ở mỗi quốc gia và sản phẩm, một số dịch vụ có thể không có sẵn tại khu vực của bạn.

- Hỗ trợ kỹ thuật trực tuyến — www.dell.com/support/monitors
- Liên hệ Dell — www.dell.com/contactdell

Cơ sở dữ liệu sản phẩm của EU về nhãn năng lượng và bảng thông tin sản phẩm

S3221QS : <https://eprel.ec.europa.eu/qr/344934>



Nguy cơ về sự ổn định

Sản phẩm có thể rơi, gây thương tích cá nhân nghiêm trọng hoặc tử vong. Để ngăn ngừa thương tích, sản phẩm này phải được gắn chặt vào sàn/tường nhà theo hướng dẫn lắp đặt.

Sản phẩm có thể rơi, gây thương tích cá nhân nghiêm trọng hoặc tử vong. Có thể tránh được nhiều thương tích, đặc biệt là trẻ nếu áp dụng các biện pháp phòng ngừa đơn giản sau:

LUÔN sử dụng các loại tủ hoặc giá đỡ hoặc phương pháp lắp đặt được khuyến dùng bởi nhà sản xuất liên quan.

LUÔN dùng vật dụng có thể đỡ sản phẩm an toàn.

LUÔN đảm bảo sản phẩm không được treo nhô ra ngoài gờ vật dụng đỡ.

LUÔN dạy trẻ về các nguy cơ khi trèo lên các vật dụng để tiếp cận sản phẩm hoặc các nút điều khiển liên quan.

LUÔN bố trí hợp lý các loại dây và cáp kết nối với sản phẩm để chúng không thể bị vấp phải, bị kéo hoặc bị nắm.

ĐỪNG BAO GIỜ đặt sản phẩm ở vị trí không ổn định.

ĐỪNG BAO GIỜ đặt sản phẩm trên vật dụng cao (như tủ chén hoặc tủ sách) nếu không gắn chặt cả vật dụng và sản phẩm vào giá đỡ thích hợp.

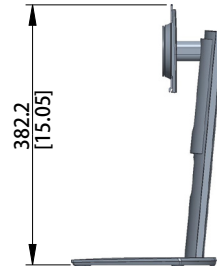
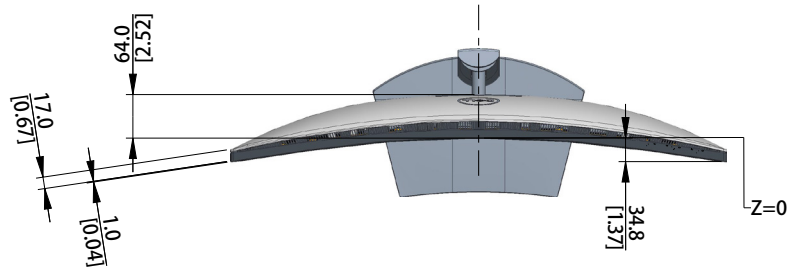
ĐỪNG BAO GIỜ đặt sản phẩm trên khăn vải hoặc các vật liệu khác có thể được đặt ở giữa sản phẩm và vật dụng đỡ.

ĐỪNG BAO GIỜ đặt các vật dụng có thể khiến trẻ em thích trèo lên, chẳng hạn như đồ chơi và điều khiển từ xa, lên trên sản phẩm hoặc vật dụng có đặt sản phẩm.

Nếu sản phẩm hiện tại sẽ được giữ lại và di dời, bạn cũng nên xem xét các biện pháp an toàn vừa nêu.



Kích thước phác thảo màn hình S3221QS



Unit : mm(inch)
 Dimension : Nominal
 Drawing : Not to scale

